

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

*(Ban hành theo Quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/09/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

Mã số ngành đào tạo: 7220201

Nghệ An, 2021

MỤC LỤC

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	3
DANH SÁCH BẢNG.....	4
PHẦN 1. GIỚI THIỆU.....	5
PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	12
2.1. Thông tin chung	12
2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo	12
2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	13
2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp	17
2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	17
2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập.....	18
2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá.....	19
PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC.....	23
3.1. Cấu trúc chương trình dạy học	23
3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT	26
3.3. Kế hoạch giảng dạy	27
3.4. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học.....	30
3.5. Ma trận phân nhiệm CĐR CTĐT đối với các học phần.....	32
PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN	35
PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	65
5.1. Căn cứ pháp lý để xây dựng và thực hiện chương trình.....	65
5.2. Trách nhiệm của bộ môn/khoa/trường.....	65
5.3. Trách nhiệm của giảng viên.....	66
5.4. Trách nhiệm của sinh viên.....	66
PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN	67
PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....	70

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
CTĐT	Chương trình đào tạo
PO	Mục tiêu chương trình đào tạo
PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
CO	Mục tiêu học phần
CLO	Chuẩn đầu ra học phần
LLO	Chuẩn đầu ra bài học
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 2.1. Mọi quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	14
Bảng 2.2. Sự tương thích giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập.....	18
Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT	19
Bảng 3.1. Sự tương thích giữa các mô-đun của CTDH và CĐR của CTĐT	23
Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT	26
Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH.....	27
Bảng 3.4. Sơ đồ cấu trúc chương trình.....	30
Bảng 3.5. Ma trận phân nhiệm CĐR CTĐT đối với các học phần.....	32

PHẦN 1. GIỚI THIỆU

1.1. Trường Đại học Vinh

1.1.1. Tóm tắt quá trình phát triển

Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ giáo dục ký Nghị định số 375/NĐ thành lập Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu một sự kiện đáng ghi nhớ trong lịch sử nền giáo dục Việt Nam. Ngày 28/08/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ chuyển Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu sự ra đời của Trường Đại học Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh, khẳng định Trường Đại học Vinh đã trở thành một trường đại học đa cấp, đa ngành và đa lĩnh vực. Ngày 11/7/2011, Thủ tướng chính phủ ban hành Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia. Hiện nay, Trường Đại học Vinh là 1 trong 8 trung tâm đào tạo, bồi dưỡng sư phạm; là 1 trong 5 trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục của cả nước; là 1 trong 10 trường tham gia Đề án Ngoại ngữ Quốc gia. Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục lần thứ 2 vào năm 2017.

Trải qua 63 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Vinh đã được tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 1979), Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1992, năm 2019), Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 1995), Huân chương Độc lập hạng Nhì (năm 2001), Danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2004), Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ (năm 2007), Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2009, năm 2014), Huân chương Hữu nghị của Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (năm 2009, năm 2011 và năm 2017), Huân chương Lao động hạng Ba của Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (năm 2019) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

1.1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục

SỨ MẠNG: Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

TẦM NHÌN: Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, xếp hạng top 1.000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Trung thực (Honesty)
Trách nhiệm (Accountability)
Say mê (Passion)
Sáng tạo (Creativity)
Hợp tác (Collaboration)

TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

HỢP TÁC - SÁNG TẠO

Trường Đại học Vinh xác định **Hợp tác** (*Collaboration*) trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. *Hợp tác* là tôn trọng sự khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn. *Hợp tác* là con đường để cùng phát triển và đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên liên quan.

Nhà trường tạo dựng môi trường hợp tác để thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Người học được khuyến khích phát triển năng lực hợp tác thông qua chương trình đào tạo với các phương pháp dạy học tích cực chú trọng đến năng lực hợp tác

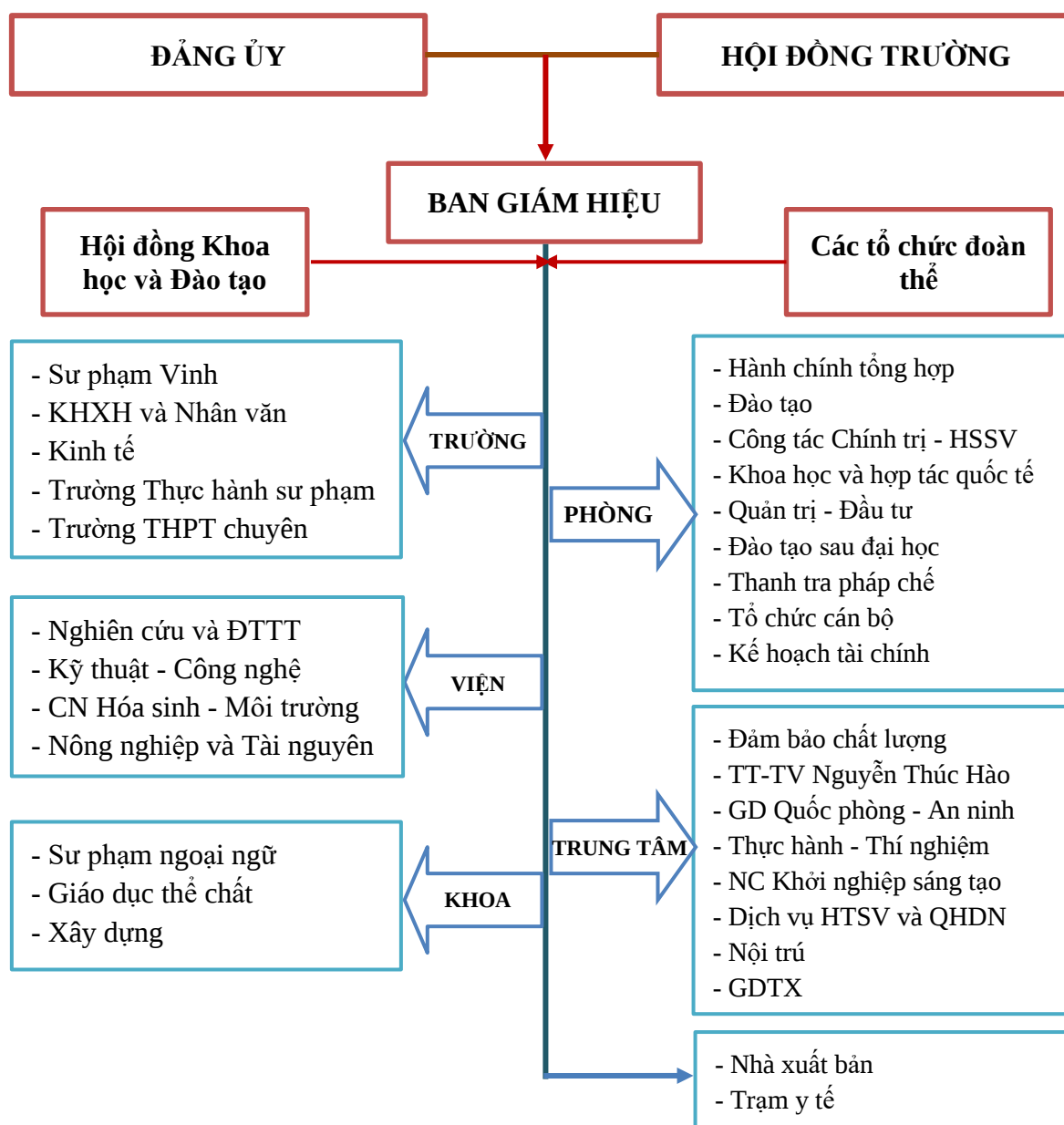
Trường Đại học Vinh coi **Sáng tạo** (*Creativity*) là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. *Sáng tạo* là tạo ra những tri thức và giá trị mới. *Sáng tạo* là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá, và không ngừng cải tiến.

Nhà trường đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình "*hình thành ý tưởng - thiết kế - triển khai - vận hành*" trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm.

1.1.3. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

- **Cơ cấu tổ chức:** Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Vinh được mô tả như Hình 1.1. Hiện nay, Trường đào tạo 55 ngành trình độ đại học, 37 chuyên ngành trình độ thạc sĩ và 17 chuyên ngành trình độ tiến sĩ với trên 40.000 sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Ngoài ra, Trường có 01 Trường THPT Chuyên, là một trong 20 trường trung học phổ thông có uy tín nhất trong cả nước, và 01 Trường Thực hành Sư phạm đào tạo các cấp học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, là một trong những cơ sở giáo dục có uy tín nhất trên địa bàn thành phố Vinh.

- **Đội ngũ cán bộ:** Trường Đại học Vinh hiện có 1.046 cán bộ, viên chức (trong đó có 731 cán bộ giảng dạy), 56 giảng viên cao cấp, 4 giáo sư, 59 phó giáo sư, 256 tiến sĩ, 504 thạc sĩ. Chất lượng đội ngũ cán bộ của Trường đáp ứng và vượt mức bình quân chung của cả nước. Cùng với hoạt động đào tạo, đội ngũ giảng viên luôn chú trọng các hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, tích cực tham gia các dự án khoa học - công nghệ của Chính phủ, các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu cấp Bộ, cấp Nhà nước. Trong 5 năm gần đây, đội ngũ cán bộ đã triển khai hàng trăm đề tài khoa học các cấp, trong năm 2020 đội ngũ cán bộ của Trường đã công bố trên 150 bài báo thuộc danh mục Web of Science và Scopus. Trường Đại học Vinh luôn nằm trong top 10 trường đại học có bài công bố quốc tế nhiều nhất ở Việt Nam.



Hình 1.1. Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Vinh

1.2. Khoa Sư phạm Ngoại ngữ

1.2.1. Tóm tắt quá trình phát triển

Ngày 27 tháng 10 năm 1994, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 3090/GD-ĐT thành lập khoa Ngoại Ngữ. Chức năng nhiệm vụ chủ yếu của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ là: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học khối ngành Ngoại ngữ phục vụ sự nghiệp phát triển văn hóa, giáo dục, xã hội của đất nước; nghiên cứu khoa học chuyên giao công nghệ thuộc lĩnh vực ngôn ngữ, giáo dục; triển khai hoạt động hợp tác với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức phát triển trong nước và quốc tế; triển khai nhiệm vụ Đề án Ngoại ngữ Quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng NVSP, năng lực ngoại ngữ cho giáo viên phổ thông thuộc các Sở GD&ĐT khu vực Bắc Trung Bộ.

Từ năm 2009 đến nay, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã đào tạo 12 khóa trình độ thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh trong đó có 11 khóa đã tốt nghiệp. Nhiều học viên tốt nghiệp đã trở thành cán bộ cốt cán của các sở, ban, các trường phổ thông của tỉnh, huyện. Năm học 2020-2021, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đào tạo 02 mã ngành đại học chính quy: Sư phạm tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, 01 mã ngành đào tạo thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh.

1.2.2. *Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi*

- **Sứ mạng:** Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh đóng góp vào sự phát triển của đất nước, đặc biệt là khu vực Bắc Trung Bộ thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH, có khả năng cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đáp ứng yêu cầu của xã hội tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế.

- **Tầm nhìn 2035:** Là Trường Đại học Ngoại ngữ thuộc Đại học Vinh có uy tín trong khu vực Bắc Trung Bộ, phát triển theo định hướng nghiên cứu có tính ứng dụng cao về các lĩnh vực giáo dục ngoại ngữ, ngôn ngữ học, quốc tế học và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn có liên quan.

- **Giá trị cốt lõi:** Coi trọng tính năng động, sáng tạo, trung thực, tinh thần trách nhiệm, khả năng sống và làm việc trong môi trường cạnh tranh đa văn hóa.

1.2.3. *Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ*

- *Cơ cấu về số lượng:* Tổng số: 54; Cán bộ giảng dạy: 49; Chuyên viên: 05

- *Cơ cấu về trình độ:* 02 PGS.TS, 09 TS, 01 nghiên cứu sinh nước ngoài và 37 thạc sĩ. Phần lớn giảng viên được đào tạo bài bản từ các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới như Hoa Kỳ, Anh, Úc, Niu Di-lân, Canada, Pháp, Nga, Nhật Bản và Trung Quốc.

- *Cơ cấu tổ chức* (Hình 1.2):

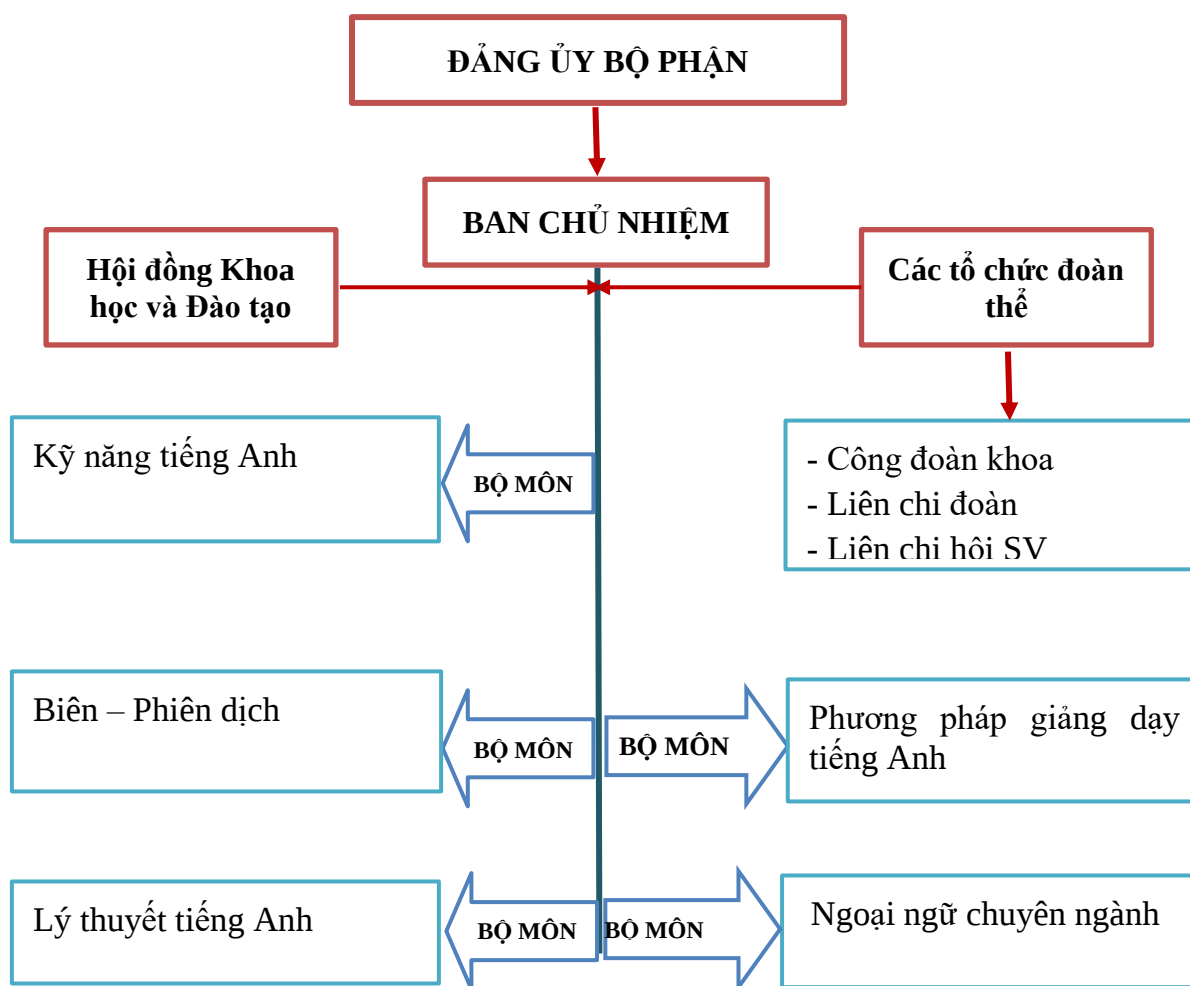
+ Đảng ủy bộ phận: gồm Chi ủy Chi bộ Cán bộ và Chu ủy Chi bộ HVSV

+ Ban Chủ nhiệm khoa: gồm 3 thành viên, 01 Trưởng khoa và 02 Phó Trưởng khoa

+ Hội đồng Khoa học và Đào tạo: gồm có 11 thành viên

+ Các tổ chức đoàn thể: gồm Công đoàn bộ phận, Liên chi đoàn và Liên chi hội sinh viên.

+ Bộ môn: 5 bộ môn, gồm Bộ môn Kỹ năng tiếng Anh, Bộ môn Biên – Phiên dịch, Bộ môn Phương pháp giảng dạy tiếng Anh, Bộ môn Lý thuyết tiếng Anh và Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành.



Hình 1.2. Cơ cấu tổ chức Khoa Sư phạm Ngoại ngữ

1.2.4. Tổng quan về ngành Ngôn ngữ Anh

1.2.4.1. Vai trò, vị trí của ngành đào tạo

Trải qua gần 15 năm đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã không ngừng phát triển, cải tiến ngành, tạo ra gần chục nghìn thế hệ sinh viên có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu về Anh ngữ và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng. Đặc biệt, từ năm 2016, trong bối cảnh đổi mới toàn diện các chương trình đào tạo (CTĐT) tiếp cận chuẩn quốc tế của Trường Đại học Vinh, ngành Ngôn ngữ Anh là một trong 52 ngành đào tạo trình độ đại học đã được khảo sát, nghiên cứu, xây dựng, triển khai, tổng kết và đánh giá, hoàn thiện CTĐT tiếp cận CDIO (Conceive – Design – Implement – Operate: Hình thành ý tưởng – Thiết kế - Triển khai – Vận hành). Đây là phương pháp luận về CTĐT được các trường đại học tiên tiến hàng đầu thế giới áp dụng, với quy trình thiết kế và triển khai CTĐT theo chuẩn đầu ra nhằm tạo năng lực thực hành nghề nghiệp và sản phẩm theo quy trình hệ thống, đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng. CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được xây dựng theo quy trình chặt chẽ, từ khâu xây dựng chuẩn đầu ra (CDR), thiết kế khung chương trình, chuyển tải khung

chương trình vào thực tiễn và đánh giá kết quả học tập của sinh viên cũng như toàn bộ chương trình. Việc tiếp cận theo phương pháp CDIO của ngành Ngôn ngữ Anh đã và đang gắn kết chặt chẽ với nhu cầu của nhà tuyển dụng, thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo của nhà trường và yêu cầu của nhà sử dụng nguồn nhân lực, đồng thời phát triển toàn diện các “kỹ năng cứng” và “kỹ năng mềm” của người học để nhanh chóng thích ứng với môi trường làm việc luôn thay đổi. Ngoài ra, các công đoạn của quá trình đào tạo của ngành Ngôn ngữ Anh có tính liên thông và gắn kết chặt chẽ. Song song với kiến thức sâu rộng và kỹ năng ngôn ngữ, CTĐT cung cấp cho sinh viên kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, phát triển tư duy hệ thống và tư duy phản biện thông qua việc đa dạng hóa các hình thức dạy và học (trực tiếp, trực tuyến và trải nghiệm thực tế). Đây là những kỹ năng làm việc cần thiết trong môi trường hội nhập, hiện đại. Đặc biệt với việc nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và việc triển khai đồng bộ các phương pháp dạy học gắn với thực hành các tình huống thực tế cũng như ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các sản phẩm học tập, CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh tiếp cận chuẩn quốc tế trong đào tạo và phù hợp với định hướng định hướng chuyển đổi số của Nhà trường (Smart University).

1.2.4.2. Chiến lược phát triển của ngành đào tạo

Với truyền thống đào tạo uy tín, chất lượng, CTĐT Cử nhân Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Vinh đã đạt chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục năm 2018 do Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận. Đây là tiền đề đặc biệt quan trọng để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hướng tới sự thành đạt của người học, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc Trung Bộ và hội nhập của đất nước. Giai đoạn 2026-2028, định hướng kiểm định CTĐT cử nhân Ngôn ngữ Anh của 1 tổ chức quốc tế (AUN-QA).

Chiến lược phát triển của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ giai đoạn 2021-2025 là trở thành Trường Ngoại ngữ trong bối cảnh tái cấu trúc Nhà trường và mở rộng loại hình, quy mô đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, đặc biệt là các lĩnh vực nghề nghiệp liên quan đến ngôn ngữ Anh.

Việc phát triển ngành Ngôn ngữ Anh thành khoa Ngôn ngữ và Văn hóa góp phần thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường:

Trước xu thế hội nhập và toàn cầu hóa, nhu cầu về đào tạo, nhu cầu nâng cao năng lực ngôn ngữ Anh và am hiểu sâu rộng văn hóa các quốc gia ngày càng cao. Với tư cách là một quốc tế ngữ, tiếng Anh là công cụ đặc biệt quan trọng đối với sự giao lưu, hợp tác, đầu tư, từ kinh doanh, thương mại, giao thông, công nghệ, truyền thông, du lịch... đến các cơ hội trong học tập, làm việc, mở rộng hợp tác quốc tế.

Những năm qua, kinh tế của các tỉnh trong khu vực Bắc trung Bộ và cả nước phát triển nhanh, nhiều ngành, nhiều dự án kinh tế đã và đang được triển khai đầu tư vào khu vực. Sự phát triển của kinh tế - xã hội cùng với xu hướng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam nói chung và khu vực Bắc Trung Bộ nói riêng đòi hỏi nhu cầu về sử dụng ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ngày càng cao.

Khu vực Bắc Trung Bộ hiện có trên 10 triệu dân và nhân dân trong khu vực có truyền thống hiếu học, có nhu cầu được đào tạo nghề nghiệp. Hàng năm số lượng thí sinh đăng ký dự thi vào Trường Đại học Vinh khoảng gần 10.000 thí sinh và số lượng thí sinh được tuyển vào học hệ chính quy khoảng gần 5.000, trong đó nhu cầu của người học đối với ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Vinh có xu hướng tăng hàng năm.

Nhiều cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp còn thiếu đội ngũ được đào tạo bài bản vừa có kiến thức chuyên môn sâu trong khối ngành khoa học tự nhiên, kinh tế, khối ngành khoa học xã hội như báo chí, xã hội học, chính trị học, luật học...vừa có năng lực ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh để hội nhập, giao lưu, hợp tác quốc tế cũng như tiếp cận tầm khu vực và quốc tế trong quản lý, điều hành và tư vấn cho hoạt động.

1.2.4.3. Vị thế của ngành đào tạo

Đội ngũ cán bộ giảng dạy ngành đào tạo hiện là 47, trong đó có 35 cán bộ giảng dạy chuyên ngữ, 12 cán bộ giảng dạy ngoại ngữ thứ 2 (tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nga). Giai đoạn 2022 – 2025, Trường Đại học Vinh dự kiến sẽ đưa một số ngoại ngữ thứ 2 tự chọn khác như tiếng Đức, tiếng Hàn, tiếng Nhật vào CTĐT Cử nhân Ngôn ngữ Anh. Trong số giảng viên cơ hữu của ngành đào tạo có 02 Phó giáo sư, 09 Tiến sĩ, 38 Thạc sĩ. Phần lớn cán bộ giảng dạy được đào tạo bài bản tại các nền giáo dục tiên tiến như Hoa Kỳ, Anh, Úc, Niu Di-lân, Canada, Pháp, Nga, Nhật Bản và Trung Quốc. Giai đoạn 2021 – 2025 dự kiến có ít nhất 06 cán bộ giảng dạy học tiến sĩ trong và ngoài nước.

Cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, phòng học phục vụ hoạt động đào tạo hiện đại, được kết nối 100% internet, sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ. Trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và ngoại ngữ đầy đủ và đồng bộ, hiện đại, với 06 phòng phát âm chuyên dụng cho đào tạo ngoại ngữ có đầy đủ trang thiết bị nghe nhìn. Trung tâm Thông tin và Thư viện với Nhà 7 tầng, đầy đủ tiện nghi và đặc biệt là nguồn tài liệu đa dạng phong phú, đáp ứng nhu cầu đào tạo đa ngành, đa cấp và nghiên cứu khoa học.

Sinh viên ngành đào tạo được học tập và trải nghiệm môi trường học thuật tốt nhất. Diễn đàn trao đổi học thuật (kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết) được tổ chức theo định kỳ hàng tháng. Sinh viên được trải nghiệm, nâng cao kỹ năng thực hành tiếng thông qua các mô hình câu lạc bộ/ấn phẩm (Talk Show, English Magazine, FLD Radio, Drama Contest, IELTS Club, English Speaking Zone, English Learning Assistance Club...).

Thông tin liên hệ ngành Ngôn ngữ Anh:

Khoa Sư phạm Ngoại ngữ

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Email: khoangoaingu@vinhuni.edu.vn

Điện thoại: 0947492309

PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Thông tin chung

1.	Tên ngành đào tạo:	Ngôn ngữ Anh (English Linguistics)
2.	Mã số ngành đào tạo:	7220201
3.	Trình độ đào tạo:	Cử nhân
4.	Thời gian đào tạo:	4 năm
5.	Tên văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân Ngôn ngữ Anh (Bachelor of Art in English Linguistics)
6.	Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:	Khoa Sư phạm Ngoại ngữ
7.	Hình thức đào tạo:	Chính quy tập trung
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	126
9.	Thang điểm:	4
10.	Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Anh
11.	Ngày tháng ban hành:	
12.	Phiên bản chỉnh sửa:	

2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu tổng quát:

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có kiến thức và kỹ năng tiếng Anh trình độ bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; có khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành trong hoạt động nghề nghiệp biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng viên dự án, truyền thông và năng lực giao tiếp, làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa; có năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, triển khai và phát triển hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước.

Mục tiêu cụ thể:

PO1.	Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và CNTT, kiến thức và kỹ năng tiếng Anh chuyên sâu vào hoạt động nghề nghiệp biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông.
PO2.	Vận dụng kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông trong môi trường làm việc đa văn hóa.

PO3:	Áp dụng kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa văn hóa để đáp ứng sự thay đổi của yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.
PO4:	Hình thành ý tưởng, xây dựng, triển khai và phát triển hoạt động nghề nghiệp biên-piên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án và truyền thông trong môi trường xã hội và doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài.

2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Sinh viên tại thời điểm tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Anh có khả năng:

CĐR	Mô tả chuẩn đầu ra
PLO1.1.	<i>Vận dụng</i> kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, hội nhập quốc tế và CNTT vào hoạt động nghề nghiệp biên-piên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông
PLO1.2.	<i>Vận dụng</i> kiến thức và kỹ năng tiếng Anh tương đương bậc 5, kiến thức văn hóa, chính trị-xã hội các nước nói tiếng Anh trong giao tiếp và công việc
PLO1.3.	<i>Vận dụng</i> kiến thức chuyên ngành ngôn ngữ Anh trong hoạt động nghề nghiệp biên-piên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông
PLO2.1.	<i>Thể hiện</i> các kỹ năng tư duy và kỹ năng chuyên ngành vào quy trình tổ chức thực hiện hoạt động biên-piên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông
PLO2.2.	<i>Thể hiện</i> chuẩn mực đạo đức cá nhân và nghề nghiệp, tinh thần đổi mới sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp
PLO3.1.	<i>Vận dụng</i> kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa
PLO3.2.	<i>Áp dụng</i> chiến lược, kỹ năng, phương thức giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa
PLO4.1.	<i>Phân tích</i> bối cảnh xã hội, doanh nghiệp và ngành đào tạo trong xu thế hội nhập quốc tế
PLO4.2.	<i>Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến</i> hoạt động nghề nghiệp biên-piên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được mô tả trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
PO1	✓	✓	✓						
PO2				✓	✓				
PO3						✓	✓		
PO4								✓	✓

- **Chuẩn đầu ra chi tiết của chương trình đào tạo**

PO1	Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và CNTT, kiến thức và kỹ năng tiếng Anh chuyên sâu vào hoạt động nghề nghiệp biên-piên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, điều phối viên dự án, truyền thông	
1.1	Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, hội nhập quốc tế và CNTT vào hoạt động nghề nghiệp biên-piên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông	K3
1.1.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để luận giải các vấn đề liên quan đến hoạt động nghề nghiệp	K3
1.1.2	Nhận diện được những vấn đề cơ bản về hội nhập quốc tế và định hướng nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế của đất nước	K3
1.1.3	Áp dụng kiến thức về công nghệ thông tin vào công việc, học tập, nghiên cứu trong bối cảnh chuyển đổi số	K3
1.2	Vận dụng kiến thức và kỹ năng tiếng Anh tương đương bậc 5, kiến thức văn hóa, chính trị-xã hội các nước nói tiếng Anh trong giao tiếp và công việc	K4
1.2.1	Vận dụng kiến thức và kỹ năng tiếng Anh, kiến thức lý luận ngôn ngữ Anh vào các hoạt động biên-piên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông	K4
1.2.2	Liên hệ kiến thức về giao tiếp giao văn hóa, văn học, lịch sử, chính trị-xã hội các nước nói tiếng Anh để thực hiện hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp và giao tiếp trong môi trường làm việc có yếu tố nước ngoài	K4
1.3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành ngôn ngữ Anh trong hoạt động nghề nghiệp biên-piên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông	K4

1.3.1	<i>Vận dụng</i> kiến thức biên-phiên dịch để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ biên dịch, phiên dịch ở cấp độ văn bản, ngôn bản	K4
1.3.2	<i>Áp dụng</i> các loại hình giao tiếp, chiến lược giao tiếp trong môi trường doanh nghiệp, môi trường giao tiếp đa văn hóa	K4
1.3.3	<i>Thực hành</i> kỹ năng, nghiệp vụ về lập kế hoạch, tổ chức, giám sát, quản lý, điều hành trong lĩnh vực du lịch, hành chính văn phòng, truyền thông, xây dựng dự án	K4
PO2	Vận dụng kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông trong môi trường làm việc đa văn hóa	
PO2.1	<i>Vận dụng các kỹ năng tư duy và kỹ năng chuyên ngành vào quy trình tổ chức thực hiện hoạt động biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông</i>	S4
2.1.1	<i>Vận dụng</i> tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo vào thực hiện các nhiệm vụ biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông và nghiên cứu lĩnh vực chuyên môn	S4
2.1.2	<i>Sử dụng</i> thành thạo kỹ thuật, phương pháp, quy trình triển khai hoạt động nghề nghiệp	S4
2.1.3	Lựa chọn, phân tích, xử lý thông tin và phản hồi, đánh giá hiệu quả hoạt động nghề nghiệp	S4
2.1.4	<i>Rèn luyện</i> kỹ năng tự học vào quá trình đào tạo, phát triển bản thân và phát triển chuyên môn đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp	S5
PO2.2	<i>Thể hiện chuẩn mực đạo đức cá nhân và nghề nghiệp, tinh thần đổi mới sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp</i>	A5
2.2.1	<i>Thể hiện</i> tôn trọng sự khác biệt, hành xử chuyên nghiệp và tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp	A5
2.2.2	<i>Thể hiện</i> tinh thần dám đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp để tạo việc làm cho mình và cho người khác	A5
PO3	Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa văn hóa để đáp ứng sự thay đổi của yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	
3.1	<i>Vận dụng kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa</i>	S4
3.1.1	<i>Vận dụng</i> kỹ năng hợp tác để tham gia hiệu quả vào các hoạt động hợp tác với đồng nghiệp và đối tác	S4
3.1.2	<i>Vận dụng</i> kỹ năng làm việc nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ hoạt động nghề nghiệp và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp	S4
3.2	<i>Áp dụng chiến lược, kỹ năng, phương thức giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa</i>	S4

3.2.1	<i>Vận dụng</i> hiệu quả các chiến lược giao tiếp hữu ngôn và phi ngôn trong giao tiếp với đồng nghiệp và đối tác	S5
3.2.2	<i>Thực hành</i> hiệu quả phương thức giao tiếp bằng văn bản, điện tử, đa phương tiện, thuyết trình trước công chúng	S4
3.2.3	<i>Sử dụng</i> ngoại ngữ 2 bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong giao tiếp và hoạt động phát triển chuyên môn <i>trong môi trường đa văn hóa</i>	S3
PO4	Hình thành ý tưởng, xây dựng, triển khai và phát triển hoạt động nghề nghiệp biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án và truyền thông trong môi trường xã hội và doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài	
4.1	<i>Phân tích bối cảnh xã hội, doanh nghiệp và ngành đào tạo trong xu thế hội nhập quốc tế</i>	C4
4.1.1	<i>Khái quát hóa</i> bối cảnh của xã hội và doanh nghiệp trước xu thế hội nhập quốc tế của đất nước	C4
4.1.2	<i>Phân tích</i> nhu cầu của xã hội và doanh nghiệp đối với các lĩnh vực nghề nghiệp biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông trong bối cảnh hội nhập quốc tế của đất nước	C4
4.2	<i>Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến hoạt động nghề nghiệp biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế</i>	C4
4.2.1	<i>Xác định</i> mục tiêu và yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp, phác thảo kế hoạch hoạt động nghề nghiệp	C4
4.2.2	<i>Thiết kế</i> hoạt động nghề nghiệp, lựa chọn phương pháp tiếp cận theo tu duy hệ thống	C4
4.2.3	<i>Triển khai</i> hoạt động nghề nghiệp, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp	C4
4.2.4.	<i>Cải tiến</i> hoạt động nghề nghiệp thích ứng với sự thay đổi của bối cảnh nghề nghiệp và yêu cầu của xã hội	C5

Ghi chú: Thang trình độ năng lực

Kiến thức (K): K2: Biết/Nhớ; K3: Hiểu; K4: Áp dụng/Phân tích; K5: Đánh giá/Tổng hợp/Sáng tạo (Nguồn: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Thái độ (A): A2: Tiếp nhận; A3: Hồi đáp/Phản ứng; A4: Chấp nhận giá trị; A5: Tổ chức/Ứng xử (Nguồn: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp/Hoàn thiện thứ tự hoạt động; S5: Sáng chế/Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới (Nguồn: Simpson, 1972; Dave, 1975).

Năng lực (C): C2: Tham gia/đóng góp; C3: Vận dụng; C4: Phân tích; C5: Đánh giá

2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có khả năng làm việc ở các vị trí công việc sau:

– Biên dịch viên/Phiên dịch viên:

Có khả năng làm việc độc lập như một biên dịch viên hoặc một phiên dịch viên tại doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức; biên tập và hiệu đính bản tin (Anh-Việt, Việt-Anh) cho các chương trình thời sự, văn hóa-xã hội của các cơ quan truyền thông, thông tin.

– Chuyên viên hành chính:

Có khả năng làm việc tại văn phòng của công ty nước ngoài, cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ; lĩnh vực chuyên môn và nghiệp vụ thư ký của nhà quản lý của công ty, tổ chức nước ngoài.

- Điều phối viên dự án:

Tham gia các mảng công việc liên quan đến dự án hợp tác phát triển, điều phối viên trọng xây dựng và quản lý dự án của công ty, doanh nghiệp và tổ chức nước ngoài.

- Hướng dẫn viên du lịch:

Hướng dẫn viên du lịch cho các công ty lữ hành dịch vụ du khách quốc tế: lập kế hoạch, chương trình đón tiếp khách quốc tế, tổ chức/hướng dẫn các tour du lịch.

- Nhân viên truyền thông:

Biên tập và hiệu đính bản tin (Anh-Việt, Việt-Anh) cho các chương trình thời sự, văn hóa-xã hội của các cơ quan truyền thông, thông tin; thực hiện công tác chuyên môn và nghiệp vụ truyền thông đối ngoại tại các cơ quan nhà nước, tổ chức quốc tế; marketing và truyền thông tại các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài.

2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

2.5.1. Tuyển sinh

Tuyển sinh đầu vào được đánh giá sau khi các thí sinh có kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia (được tổ chức bởi Bộ GD&ĐT) và nộp hồ sơ xét tuyển vào Trường hoặc xét tuyển học bạ. Dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh, số lượng thí sinh nộp hồ sơ, tổ hợp các môn xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh Trường xác định điểm chuẩn đảm bảo chất lượng đầu vào nhưng không thấp hơn điểm sàn quy định của Bộ GD&ĐT. Ngành Ngôn ngữ Anh tuyển sinh dựa trên 04 tổ hợp các môn xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT, bao gồm: D01 (Toán - Văn - Tiếng Anh), D14 (Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh), D15 (Ngữ văn - Địa lí - Tiếng Anh) và A01 (Toán – Vật lí - Tiếng Anh); xét tuyển dựa trên kết quả học tập ở cấp THPT và xét tuyển kết hợp. Ngoài ra, ngành Ngôn ngữ Anh xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy định xét tuyển thẳng

vào đại học chính quy được công bố trong Đề án tuyển sinh của của Trường đại học Vinh.

2.5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp được quy định theo Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 của Trường Đại học Vinh. Sinh viên đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp: (i) cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập; (ii) hoàn thành 126 tín chỉ của CTĐT; (iii) điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; (iv) có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương bậc 5 (C1), chứng chỉ Ngoại ngữ 2 tương đương trình độ bậc 3/6 (B1) theo tham chiếu Châu Âu; (v) có chứng chỉ Giáo dục-Quốc phòng, Giáo dục thể chất; (vi) hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Trường. Đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc tốt nghiệp muộn phải có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp.

Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ vào các điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập

Bảng 2.2. Sự tương thích giữa CDR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
Thuyết trình	✓	✓	✓	✓	✓				
Hướng dẫn	✓	✓	✓	✓	✓				
Tự học	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓
Vấn đáp	✓	✓	✓						
Thảo luận	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Trải nghiệm thực tế				✓	✓	✓	✓	✓	✓
Hoạt động nhóm	✓	✓	✓	✓		✓	✓		✓
Học dựa trên dự án		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

Đối với các học phần giáo dục đại cương (chính trị, văn hóa, khoa học xã hội, ngoại ngữ 2), các hoạt động giảng dạy chính gồm thuyết trình, vấn đáp, hướng dẫn, tự học, thảo luận. Đối với các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành và dự án, ngoài các hoạt động giảng dạy trên, các hoạt động giảng dạy bao gồm thực hành, hoạt động nhóm, trải nghiệm thực tế và học dựa trên dự án. Những hoạt động

này nhằm nâng cao khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và cải tiến hoạt động nghề nghiệp.

2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

2.7.1. Các hình thức đánh giá

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác định mức độ đạt được CDR của các học phần và từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CDR của CTĐT. Ngành SPTA đánh giá sinh viên trong quá trình học tập dựa trên Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/09/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học.

Các học phần được đánh giá bao gồm đánh giá quá trình (chuyên cần, thái độ, mức độ tích cực tham gia vào quá trình học tập), đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc học phần. Các hình thức đánh giá được sử dụng để phù hợp với CDR của CTĐT được mô tả như Bảng 2.3.

Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CDR của CTĐT

Các hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR của CTĐT									
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	
1. Ý thức và thái độ học tập	Rubrics	√	√	√	√		√			√	
2. Hồ sơ học phần	Rubrics	√	√	√	√						
3. Thi vấn đáp	Đáp án Rubrics	√	√	√	√				√		
4. Thi trắc nghiệm	Đáp án	√	√	√							
5. Thi tự luận	Đáp án	√	√	√	√			√	√		
6. Thi thực hành	Rubrics				√	√			√	√	
7. Viết báo cáo	Rubrics						√	√		√	
8. Thuyết trình báo cáo	Rubrics					√		√		√	
9. Sản phẩm dự án	Rubrics				√		√	√	√	√	
10. Hoạt động nhóm	Rubrics	√	√		√	√	√	√		√	

2.7.1.1. Đánh giá ý thức và thái độ học tập

Đánh giá ý thức học tập là đánh giá mức độ chuyên cần mà sinh viên phải tham gia lớp học. Đánh giá thái độ học tập là đánh giá mức độ sinh viên thể hiện thái độ tích cực và hợp tác trong lớp cũng như trong tinh thần đồng đội khi thực hiện nhóm. Tính chuyên cần và thái độ học tập của sinh viên được đánh giá theo các tiêu chí ở Bảng Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3 hoặc Rubric 4 tùy thuộc vào các học phần lý thuyết hay học phần có thực hành/dự án.

2.7.1.2. Đánh giá hồ sơ học phần

Đối với hồ sơ học phần, sinh viên bắt buộc phải làm bài tập liên quan đến các bài học học trong lớp hoặc sau giờ học. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm. Ngoài ra, sinh viên phải đáp ứng những yêu cầu về các học liệu kèm theo học phần của giảng viên.

2.7.1.3. Đánh giá theo hình thức vấn đáp

Đánh giá theo hình thức vấn đáp là một trong những hình thức kiểm tra đánh giá được sử dụng trước, trong và sau giờ giảng để kiểm tra tri thức sinh viên đạt được một cách nhanh gọn, kịp thời để có thể bổ sung củng cố tri thức ngay nếu cần thiết. Hoặc được áp dụng trong quá trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên dưới hình thức sinh viên bốc thăm câu hỏi hoặc giảng viên đặt câu hỏi, sinh viên trả lời trực tiếp. Nó cũng giúp học sinh tự kiểm tra tri thức của mình thông qua vấn đáp. Tùy theo mục đích đánh giá mà sử dụng các hình thức vấn đáp khác nhau.

2.7.1.4. Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm

Hình thức trắc nghiệm là dạng kiểm tra trong đó mỗi câu hỏi kèm theo câu trả lời sẵn. Loại câu hỏi này cung cấp cho sinh viên một phần hay tất cả thông tin cần thiết và đòi hỏi sinh viên phải chọn một hay nhiều giải pháp trả lời đúng nhất. Loại câu hỏi này được gọi là trắc nghiệm khách quan vì chúng đảm bảo tính khách quan, chính xác, ổn định và không phụ thuộc vào người chấm; đồng thời nó cho phép đánh giá được toàn bộ những khả năng của người học theo sự phân loại (ghi nhớ thông tin, thông hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá). Bài trắc nghiệm thường có số câu hỏi nhiều hơn bài tự luận.

2.7.1.5. Đánh giá theo hình thức tự luận

Sinh viên phải trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các vấn đề liên quan đến yêu cầu kiến thức của học phần. Các yêu cầu của câu hỏi trong các đề thi được thiết kế để đánh giá kết quả học tập của học phần. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong hình thức này là từ 1 đến 10 theo đáp án của đề thi.

2.7.1.6. Đánh giá theo hình thức thực hành

Sinh viên phải thực hiện các thao tác hoặc bài thực hành liên quan đến các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của các học phần (cụ thể là các học phần Biên-phiên dịch). Thang điểm đánh giá được sử dụng từ 0 đến 10.

2.7.1.7. Đánh giá viết báo cáo

Sinh được đánh giá thông qua báo cáo về chủ đề giảng viên yêu cầu, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, định dạng trong báo cáo.

2.7.1.8. Đánh giá thuyết trình

Sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình theo một chủ đề nghiên cứu theo yêu cầu của giảng viên. Giảng viên cho điểm sinh viên thông qua buổi trình bày báo cáo, đưa ra các câu hỏi trực tiếp và nhận các câu trả lời.

2.7.2. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/09/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học.

2.7.2.1. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của CTĐT được quy định như Bảng 2.4.

Bảng 2.4. Thang điểm đánh giá học phần

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4	
A	8.5 – 10.0	4.0	
B+	8.0 – 8.4	3.5	
B	7.0 – 7.9	3.0	
C+	6.5 – 6.9	2.5	
C	5.5 – 6.4	2.0	
D+	5.0 – 5.4	1.5	
D	4.0 – 4.9	1.0	
F	< 4.0	0.0	

2.7.2.2. Điểm đánh giá học phần

Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kỳ như quy định trong Bảng 2.5.

Bảng 2.5. Thành phần và điểm đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Tỷ lệ
1. Đánh giá quá trình	50%
<i>1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập</i> - Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập. - Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần.	10%
<i>1.2. Đánh giá hồ sơ học phần</i> - Hồ sơ có thể là bài tập cá nhân, báo cáo bài tập nhóm, báo cáo kết quả thảo luận, minh chứng sản phẩm học tập, .. - Tùy theo đặc thù học phần mà giảng viên quy định các sản phẩm cụ thể.	20%
<i>1.3. Đánh giá giữa kỳ</i> - Nếu số tín chỉ lý thuyết ≤ 3 thì tổ chức 1 lần kiểm tra.	20%

- Nếu số tín chỉ lý thuyết ≥ 4 thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình.	
2. Đánh giá thi kết thúc học phần - <i>Học phần chỉ có lý thuyết</i>: điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kỳ và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,...) - <i>Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án</i>: điểm đánh giá cuối kỳ là trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc báo cáo đồ án. - <i>Học phần có cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án</i>: điểm đánh giá cuối kỳ là điểm đánh giá độc lập của các thành phần lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.	50%
3. Công thức tính điểm học phần 3.1. Học phần chỉ có lý thuyết Điểm học phần lý thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân: $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + a_3 \times 0.2 + a_4 \times 0.5.$ Trong đó, a: điểm học phần; a_1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a_2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a_3: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a_4: điểm đánh giá thi kết thúc học phần. 3.2. Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án - Điểm học phần là điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án, được làm tròn đến một chữ số thập phân. 3.3. Học phần bao gồm cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án: $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + a_3 \times 0.2 + (a_4 \times m + a_5 \times n) \times 0.5 / (m + n).$ Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a_1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a_2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a_3: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a_4: điểm đánh giá thi kết thúc phần lý thuyết; a_5: điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án; m: số tiết lý thuyết; n: số tiết thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án. 3.4. Học phần thực tập cuối khóa: - Điểm học phần được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân: $a = a_1 \times 0.5 + a_2 \times 0.5$ Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a_1: điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn; a_2: điểm đánh giá của cán bộ hướng dẫn nơi sinh viên thực tập.	

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Cấu trúc chương trình dạy học

CTDH năm 2021 được rà soát và cập nhật theo Quyết định số 1275/QĐ-ĐHV của Trường Đại học Vinh. Bảng 3.1 mô tả cấu trúc của CTDH và mối liên hệ giữa các mô-đun với các CĐR của CTĐT. Ngoài khối lượng học tập trong CTDH, sinh viên phải hoàn thành các khóa học về Giáo dục Thể chất (5 tín chỉ), An ninh – Quốc phòng (8 tín chỉ) và được khuyến khích tham gia các câu lạc bộ và các hoạt động ngoại khóa nhằm giúp sinh viên cải tiến kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp.

Bảng 3.1. Sự tương thích giữa các mô-đun của CTDH và CĐR của CTĐT

Các mô-đun		Số TC	Phần trăm	CĐR của CTĐT								
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
Giáo dục đại cương	1. Kiến thức đại cương chung	21	16,7%	✓				✓	✓	✓		
	2. Kiến thức đại cương khối ngành ngoại ngữ	25	19,8%		✓			✓	✓	✓		
Giáo dục chuyên nghiệp	3. Kiến thức cơ sở ngành	35	27,8%	✓	✓	✓		✓	✓	✓		
	4. Kiến thức chuyên ngành	37	29,3%			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	5. Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	8	6,4%				✓	✓	✓	✓	✓	✓
Tổng		126	100%									

Các học phần theo mô-đun

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 126 tín chỉ, trong đó:

3.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương: 46 tín chỉ = 36,5%

3.1.1.1. Kiến thức đại cương chung: 21 tín chỉ (16,7%)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	POL10001	Triết học Mác-Lênin	3
2	POL10002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
3	POL10003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	POL10004	Lịch sử Đảng CSVN	2
5	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
6	INF20002	Tin học	3
7		Ngoại ngữ 2 – HP 1 (Tự chọn 1)	3
8		Ngoại ngữ 2 – HP 2 (Tự chọn 2)	4
Tổng			21

Tự chọn 1 (chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ thứ 2)		
TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Tiếng Nga 1	3
2	Tiếng Pháp 1	3
3	Tiếng Trung 1	3

Tự chọn 2 (chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ thứ 2)		
TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Tiếng Nga 2	4
2	Tiếng Pháp 2	4
3	Tiếng Trung 2	4

3.1.1.2. Kiến thức đại cương khối ngành ngoại ngữ: 25 tín chỉ (19,8%)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	ENG21001	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1	5
2	ENG21002	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2	6
3	ENG20003	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3	5
4	ENG31041	Ngữ pháp tiếng Anh	3
5	ENG30007	Ngữ âm - âm vị tiếng Anh	3
6	ENG30017	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh	3
Tổng			25

3.1.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 80 tín chỉ = 63,5%

3.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 35 tín chỉ (27,8%)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	ENG30001	Dẫn luận ngôn ngữ	3
2	ENG30053	Văn hóa Anh - Mỹ	4
3	ENG30004	Đọc - Viết tiếng Anh 1	4
4	ENG30006	Nghe - Nói tiếng Anh 1	4
5	ENG30013	Đọc - Viết tiếng Anh 2	4
6	ENG30016	Nghe - Nói tiếng Anh 2	4
7	ENG30021	Đọc - Viết tiếng Anh 3	4
8	ENG30023	Nghe - Nói tiếng Anh 3	4
9	ENG31037	Tiếng Anh nâng cao	2
10	ENG30054	Viết khoa học	2
Tổng			35

3.1.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 37 tín chỉ (29,3%)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	ENG30070	Nhập môn ngành Ngoại văn	3
2	ENG31005	Lý thuyết dịch	3
3	ENG30012	Biên dịch 1	4
4	ENG30019	Biên dịch 2	4
5	ENG31031	Biên dịch 3	2
6	ENG30057	Thực hành trải nghiệm hoạt động nghề nghiệp Biên dịch	3
7	ENG30027	Phiên dịch 1	4
8	ENG30035	Phiên dịch 2	4
9	ENG31022	Giao tiếp giao văn hóa	4
10		Tự chọn 3	3
11		Tự chọn 4	3
Tổng			37

Tự chọn 3 (Chọn 1 trong 3 học phần)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Ngôn ngữ học đối chiếu	3
2	Ngữ dụng học	3
3	Phân tích diễn ngôn	3

Tự chọn 4 (Chọn 1 trong 5 học phần)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Quy trình xây dựng dự án	3
2	Tiếng Anh du lịch	3
3	Tiếng Anh kinh tế	3
4	Tiếng Anh văn phòng	3
5	Truyền thông và quan hệ công chúng	3

3.1.2.3. Thực tập và Đồ án tốt nghiệp: 08 tín chỉ = 6,4%

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	ENG31040	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	8

3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT được thể hiện trong Bảng 3.2.

Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

TT	Mã HP	Tên học phần	CDR của CTĐT								
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
1	ENG30070	Nhập môn ngành Ngoại văn	✓			✓	✓	✓		✓	✓
2	ENG21001	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1	✓			✓			✓		
3	POL11001	Triết học Mác-Lênin	✓			✓	✓				
4	INF20002	Tin học	✓						✓		
5	POL11002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	✓			✓	✓				
6	ENG21002	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2	✓			✓			✓		
7	ENG31041	Ngữ pháp tiếng Anh	✓			✓		✓	✓		✓
8		Tự chọn 1 (học phần 1 Ngoại ngữ thứ 2)				✓			✓		
9	ENG30001	Dẫn luận ngôn ngữ		✓					✓		
10	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	✓			✓	✓				
11	ENG20003	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3	✓			✓			✓		
12	ENG30007	Ngữ âm - âm vị tiếng Anh	✓			✓		✓	✓		✓
13		Tự chọn 2 (học phần 2 Ngoại ngữ thứ 2)				✓			✓		
14	ENG31005	Ly thuyết dịch			✓	✓	✓				
15	ENG30004	Đọc - Viết tiếng Anh 1	✓			✓			✓		
16	ENG30006	Nghe - Nói tiếng Anh 1	✓			✓			✓		
17	ENG30017	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh	✓			✓		✓	✓		✓
18	ENG30012	Biên dịch 1			✓	✓	✓				
19	POL11004	Lịch sử Đảng CSVN	✓			✓	✓				
20	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	✓			✓	✓				
21	ENG30013	Đọc - Viết tiếng Anh 2	✓			✓			✓		
22	ENG30016	Nghe - Nói tiếng Anh 2	✓			✓			✓		
23	ENG30053	Văn hóa Anh - Mỹ	✓			✓		✓	✓		✓
24	ENG30019	Biên dịch 2			✓	✓	✓			✓	✓
25	ENG30027	Phiên dịch 1			✓	✓	✓				

26	ENG30021	Đọc - Viết tiếng Anh 3	✓			✓			✓		
27	ENG30023	Nghe - Nói tiếng Anh 3	✓			✓			✓		
28	ENG30054	Viết khoa học			✓	✓			✓		
29		Tự chọn 3		✓		✓					
30	ENG31031	Biên dịch 3			✓	✓	✓				
31	ENG31022	Giao tiếp giao văn hóa	✓	✓	✓	✓			✓		
32	ENG31037	Tiếng Anh nâng cao			✓	✓			✓		
33	ENG31030	Phiên dịch 2			✓	✓	✓	✓		✓	✓
34	ENG30057	Thực hành trải nghiệm hoạt động nghề nghiệp Biên dịch			✓	✓	✓	✓			✓
35		Tự chọn 4			✓	✓	✓			✓	✓
36	ENG31040	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

3.3. Kế hoạch giảng dạy

Kế hoạch giảng dạy của CTDH được mô tả trong Bảng 3.3.

Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân tiết						Phân kỳ	Khối kiến thức	Loại học phần
				Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm/ Thực tế	Thảo luận/ Bài tập	Đồ án học phần	Thực tập/ Kiến tập	Đồ án/ Khóa luận TN			
1	ENG30070	Nhập môn ngành Ngoại văn	3	15	0	0	30	0	0	1	GDCN	Bắt buộc
2	ENG21001	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1	5	45	0	30	0	0	0	1	GDĐC	Bắt buộc
3	POL11001	Triết học Mác-Lênin	3	30	0	15	0	0	0	1	GDĐC	Bắt buộc
4	INF20002	Tin học	3	30	15	0	0	0	0	1	GDĐC	Bắt buộc
5	POL11002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	20	0	10	0	0	0	2	GDĐC	Bắt buộc
6	ENG21002	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2	6	45	0	45	0	0	0	2	GDĐC	Bắt buộc
7	ENG31008	Ngữ pháp tiếng Anh	3	15	0	0	30	0	0	2	GDĐC	Bắt buộc
8		Tự chọn 1 (học phần 1 Ngoại ngữ thứ 2)	3	30	0	15	0	0	0	2	GDĐC	Bắt buộc
	NAP11001	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (GDQP1)	(2)	30	0	0	0	0	0	(1-3)	GDĐC	Bắt buộc

	NAP11002	Công tác quốc phòng và an ninh (GDQP2)	(2)	30	0	0	0	0	0	(1-3)	GDĐC	Bắt buộc
	NAP11003	Quân sự chung (GDQP3)	(2)	15	15	0	0	0	0	(1-3)	GDĐC	Bắt buộc
	NAP11004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và Chiến thuật (GDQP4)	(2)	0	30	0	0	0	0	(1-3)	GDĐC	Bắt buộc
	SPO10001	Giáo dục thể chất	(5)	15	60	0	0	0	0	(1-3)	GDĐC	Bắt buộc
9	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	0	10	0	0	0	3	GDĐC	Bắt buộc
10	ENG30001	Dẫn luận ngôn ngữ	3	30	0	15	0	0	0	3	GDCN	Bắt buộc
11	ENG21003	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3	5	45	0	30	0	0	0	3	GDĐC	Bắt buộc
12	ENG31007	Ngữ âm - âm vị tiếng Anh	3	15	0	0	30	0	0	3	GDĐC	Bắt buộc
13		Tự chọn 2 (học phần 2 Ngoại ngữ thứ 2)	4	45	0	15	0	0	0	3	GDĐC	Bắt buộc
14	POL11004	Lịch sử Đảng CSVN	2	20	0	10	0	0	0	4	GDĐC	Bắt buộc
15	ENG30004	Đọc - Viết tiếng Anh 1	4	45	0	15	0	0	0	4	GDCN	Bắt buộc
16	ENG30006	Nghe - Nói tiếng Anh 1	4	45	0	15	0	0	0	4	GDCN	Bắt buộc
17	ENG31017	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh	3	15	0	0	30	0	0	4	GDĐC	Bắt buộc
18	ENG31005	Lý thuyết dịch	3	30	0	15	0	0	0	4	GDCN	Bắt buộc
19	POL11005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	0	10	0	0	0	5	GDĐC	Bắt buộc
20	ENG30013	Đọc - Viết tiếng Anh 2	4	45	0	15	0	0	0	5	GDCN	Bắt buộc
21	ENG30016	Nghe - Nói tiếng Anh 2	4	45	0	15	0	0	0	5	GDCN	Bắt buộc
22	ENG30012	Biên dịch 1	4	45	0	15	0	0	0	5	GDCN	Bắt buộc
23	ENG30042	Văn hóa Anh – Mỹ	4	15	0	0	45	0	0	5	GDCN	Bắt buộc
24	ENG30043	Viết khoa học	2	20	0	10	0	0	0	5	GDCN	Bắt buộc
25	ENG31019	Biên dịch 2	4	15	0	0	45	0	0	6	GDCN	Bắt buộc
26	ENG30021	Đọc - Viết tiếng Anh 3	4	45	0	15	0	0	0	6	GDCN	Bắt buộc
27	ENG30023	Nghe - Nói tiếng Anh 3	4	45	0	15	0	0	0	6	GDCN	Bắt buộc
28	ENG30027	Phiên dịch 1	4	45	0	15	0	0	0	6	GDCN	Bắt buộc
29		Tự chọn 3	3	30	0	15	0	0	0	6	GDCN	Bắt buộc
30	ENG31031	Biên dịch 3	2	20	0	10	0	0	0	7	GDCN	Bắt buộc
31	ENG31022	Giao tiếp giao văn hóa	4	15	0	0	45	0	0	7	GDCN	Bắt buộc
32	ENG31035	Phiên dịch 2	4	15	0	0	45	0	0	7	GDCN	Bắt buộc

33	ENG31037	Tiếng Anh nâng cao	2	20	0	10	0	0	0	7	GDCN	Bắt buộc
34	ENG30044	Thực hành trải nghiệm hoạt động nghề nghiệp Biên dịch	3	0	30	0	0	0	0	7	GDCN	Bắt buộc
35		Tự chọn 4	3	30	0	15	0	0	0	7	GDCN	Bắt buộc
36	ENG30045	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	8	0	0	0	0	7 5	45	8	GDCN	Bắt buộc
Tổng			126									

Tự chọn 1 (chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ thứ 2)			
TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	RUS30001	Tiếng Nga 1	3
2	FRE30001	Tiếng Pháp 1	3
3	CHI30001	Tiếng Trung 1	3

Tự chọn 2 (chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ thứ 2)			
TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	RUS30002	Tiếng Nga 2	4
2	FRE30002	Tiếng Pháp 2	4
3	CHI30002	Tiếng Trung 2	4

Tự chọn 3 (Chọn 1 trong 3 học phần)			
TT		Tên học phần	Số tín chỉ
1	ENG30024	Ngôn ngữ học đối chiếu	3
2	ENG30025	Ngữ dụng học	3
3	ENG30026	Phân tích diễn ngôn	3

Tự chọn 4 (Chọn 1 trong 5 học phần)			
TT		Tên học phần	Số tín chỉ
1	ENG30029	Quy trình xây dựng dự án	3
2	ENG30009	Tiếng Anh du lịch	3
3	ENG30010	Tiếng Anh kinh tế	3
4	ENG30011	Tiếng Anh văn phòng	3
5	ENG30038	Truyền thông và quan hệ công chúng	3

3.4. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học

Bảng 3.4. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ
1	ENG30070	Nhập môn ngành Ngoại văn	1
1	ENG21001	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1	1
3	INF20002	Tin học	1
4	POL11001	Triết học Mác – Lênin	1
5	POL11002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
6	ENG21002	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2	2
7	ENG31041	Ngữ pháp tiếng Anh	2
8		Tự chọn 1 (HP 1 Ngoại ngữ thứ 2)	2
9	ENG30001	Dẫn luận ngôn ngữ	3
10	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ
19	ENG30012	Biên dịch 1	5
20	ENG30013	Đọc - Viết tiếng Anh 2	5
21	ENG30016	Nghe - Nói tiếng Anh 2	5
22	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5
23	ENG30053	Văn hóa Anh - Mỹ	5
24	ENG30054	Viết khoa học	5
25	ENG30019	Biên dịch 2	6
26	ENG30021	Đọc - Viết tiếng Anh 3	6
27	ENG30023	Nghe - Nói tiếng Anh 3	6
28	ENG30027	Phiên dịch 1	6
29		Tự chọn 3	6
30	ENG31031	Biên dịch 3	7

11	ENG20003	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3	3
12	ENG30007	Ngữ âm - âm vị tiếng Anh	3
13		Tự chọn 2 (HP 2 Ngoại ngữ thứ 2)	3
14	ENG30004	Đọc - Viết tiếng Anh 1	4
15	POL11004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	4
16	ENG31005	Lý thuyết dịch	4
17	ENG30006	Nghe - Nói tiếng Anh 1	4
18	ENG30017	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh	4

Tự chọn 1 HP Ngoại ngữ 2 (chọn 1 trong 3 học phần)			
1	RUS30001	Tiếng Nga 1	2
2	FRE30001	Tiếng Pháp 1	2
3	CHI30001	Tiếng Trung 1	2
Tự chọn 4 (chọn 1 trong 3 học phần)			
1	ENG30024	Ngôn ngữ học đối chiếu	6
2	ENG30025	Ngữ dụng học	6
3	ENG30026	Phân tích diễn ngôn	6

31	ENG31022	Giao tiếp giao văn hóa	7
32	ENG30035	Phiên dịch 2	7
33	ENG30057	Thực hành trải nghiệm hoạt động nghề nghiệp Biên dịch	
34	ENG31037	Tiếng Anh nâng cao	7
35		Tự chọn 4	7
36	ENG31040	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	8

Tự chọn 2 HP Ngoại Ngữ 2 (chọn 1 trong 3 học phần)			
1	RUS30002	Tiếng Nga 2	3
2	FRE30002	Tiếng Pháp 2	3
3	CHI30002	Tiếng Trung 2	3
Tự chọn 4 (chọn 1 trong 4 học phần sau)			
1	ENG30029	Quy trình xây dựng dự án	7
2	ENG30009	Tiếng Anh du lịch	7
3	ENG30010	Tiếng Anh kinh tế	7
4	ENG30011	Tiếng Anh văn phòng	7
5	ENG30038	Truyền thông và quan hệ công chúng	7

3.5. Ma trận phân nhiệm CDR CTĐT đối với các học phần

	Mã HP	Tên học phần	1.1			1.2		1.3			2.1				2.2		3.1		3.2			4.1		4.2			
			1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.2.1	1.2.2	1.3.1	1.3.2	1.3.3	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.2.3	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
1	ENG30070	Nhập môn ngành Ngoại văn		K3							S2				A2			S2				C2	C2	C2	C2	C2	
2	ENG21001	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1				K3								S2					S2								
3	POL11001	Triết học Mác-Lênin	K3								S2																
4	INF20002	Tin học			K3															S2							
5	POL11002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	K3													A2											
6	ENG21002	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2				K3								S2					S2								
7	ENG31008	Ngữ pháp tiếng Anh				K3					S2							S2		S2					C2	C2	
8		Tự chọn 1 (Học phần 1 Ngoại ngữ thứ 2)												S2					S2		S2						
9	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	K3													A3											
10	ENG30001	Dẫn luận ngôn ngữ				K3			K3										S2								

11	ENG21003	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3				K 3								S2					S 2									
12	ENG31007	Ngữ âm - âm vị tiếng Anh				K 3					S2							S2		S2					C2	C2		
13		Tự chọn 2 (Học phần 2 Ngoại ngữ thứ 2)												S2					S 2		S3							
14	POL11004	Lịch sử Đảng CSVN	K 3																					C2				
15	ENG30004	Đọc - Viết tiếng Anh 1				K 4								S3						S3								
16	ENG30006	Nghe - Nói tiếng Anh 1				K 4								S3					S 3									
17	ENG31017	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh				K 4					S3							S3		S3					C3	C3		
18	ENG31005	Lý thuyết dịch						K3		K 2		S 2	S 2		A2	A2												
19	POL11005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K 3												A3													
20	ENG30013	Đọc - Viết tiếng Anh 2				K 4								S3						S3								
21	ENG30016	Nghe - Nói tiếng Anh 2				K 4								S3					S 3									
22	ENG30012	Biên dịch 1						K3		K 2		S 2	S 2		A3	A3												
23	ENG30042	Văn hóa Anh – Mỹ					K4				S3						S3	S3	S 3						C3	C3		
24	ENG30043	Viết khoa học				K 4					S3									S3								
25	ENG30019	Biên dịch 2						K4		K 3	S4	S 3	S 3		A4	A4								C3	C3	C3	C3	C3
26	ENG30021	Đọc - Viết tiếng Anh 3				K 4								S5						S4								

27	ENG30023	Nghe - Nói tiếng Anh 3				K 4							S5					S 4											
28	ENG30027	Phiên dịch 1						K4		K 3		S 3	S 3		A4	A4													
29		Tự chọn 3				K 4							S5																
30	ENG31031	Biên dịch 3						K4		K 4		S 4	S 4		A5	A5									C4				
31	ENG31022	Giao tiếp giao văn hóa		K 4			K4		K 4		S4				A5	A5			S 4	S4									
32	ENG30035	Phiên dịch 2						K4		K 4	S4	S 4	S 4		A5	A5	S4	S4					C3	C3	C4	C4	C4	C4	
33	ENG31037	Tiếng Anh nâng cao				K 4							S5					S 5											
34	ENG30044	Thực hành trải nghiệm hoạt động nghề nghiệp Biên dịch						K4		K 4		S 4	S 4		A5	A5									C4	C4	C4	C4	
35		Tự chọn 4								K 4		S 4	S 4		A5	A5								C3	C3	C4	C4	C4	C4
36	ENG30045	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp									S4	S 4	S 4	S5	A5	A5	S4	S4	S 5	S4			C4	C4	C4	C4	C4	C5	

Ghi chú: Thang trình độ năng lực

Kiến thức (K): K2: Biết/Nhớ; K3: Hiểu; K4: Áp dụng/Phân tích; K5: Đánh giá/Tổng hợp/Sáng tạo (Nguồn: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Thái độ (A): A2: Tiếp nhận; A3: Hồi đáp/Phản ứng; A4: Chấp nhận giá trị; A5: Tổ chức/Ứng xử (Nguồn: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thực/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp/Hoàn thiện thứ tự hoạt động; S5: Sáng chế/Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới (Nguồn: Simpson, 1972; Dave, 1975).

Năng lực (C): C2: Tham gia/đóng góp; C3: Vận dụng; C4: Phân tích; C5: Đánh giá

PHẦN 4: MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

ENG30070: Nhập môn ngành Ngoại văn

Mô tả học phần

Học phần *Nhập môn ngành Ngoại văn* là học phần bắt buộc đầu tiên của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần giúp sinh viên nhận diện được những vấn đề cơ bản về hội nhập quốc tế, bối cảnh hội nhập quốc tế của đất nước, vai trò của ngành Ngôn ngữ Anh đối với xã hội; bước đầu hình thành cho người học một số kỹ năng nghề nghiệp cần thiết; nhận diện tổng quan về nghề nghiệp và ngành học. Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp, nhận thức đúng đắn về ngành nghề đào tạo, có kế hoạch và phương pháp học tập hiệu quả để đáp ứng yêu cầu của cơ quan, doanh nghiệp trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế.

Mục tiêu học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về về hội nhập quốc tế, bối cảnh hội nhập quốc tế của đất nước, vai trò của ngành Ngôn ngữ Anh đối với xã hội; giúp sinh viên xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phương pháp học hiệu quả, xác định được vai trò, trách nhiệm của Cử nhân Ngôn ngữ Anh, yêu cầu và mục tiêu hoạt động nghề nghiệp trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế; quy trình thực hiện dự án học phần; bước đầu hình thành cho người học kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. Người học có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển một dự án liên quan đến học phần từ đó hình thành kế hoạch, phương pháp học tập, trở nên tự tin và làm chủ quá trình đào tạo.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K2	Nhận diện được những vấn đề cơ bản về hội nhập quốc tế, bối cảnh hội nhập quốc tế của đất nước,	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K2	Nhận diện đặc trưng và vai trò của ngành Ngoại văn	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S2	Thể hiện kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian và nguồn lực trong quá trình học và trải nghiệm thực tế nghề nghiệp	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO2.2	A2	Thể hiện tính kỷ luật, trách nhiệm, tác phong trong môi trường nghề nghiệp	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Bảng kiểm Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Tổ chức hoạt động nhóm để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ mà học phần đề ra	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO3.2	S2	Thể hiện kỹ năng giao tiếp trong môi trường nghề nghiệp	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.1	C2	Nhận diện được môi trường nghề nghiệp; vị trí, vai trò của bản thân trong hoạt động nghề nghiệp	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

CLO4.2	C2	Hình thành ý tưởng cho trải nghiệm nghề nghiệp	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.3	C2	Lập kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.4	C2	Thực hiện kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.5	C2	Đánh giá và đưa ra kế hoạch học tập để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

ENG21001: Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1

Mô tả học phần

Học phần *Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 1* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) theo các chủ đề ở cuối bậc 2 và đầu bậc 3 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng về văn hóa xã hội và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

Mục tiêu

Học phần *Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1* trang bị kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ Anh ở cuối bậc 2 và đầu bậc 3 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học bước đầu hình thành và phát triển kỹ năng tự học ở bậc đại học, xử lý thông tin về các chủ đề trong học phần để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội, sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động giao tiếp về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với cuối bậc 2 và đầu bậc 3 theo Khung NLNN.

Chuẩn đầu ra

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ ở trình độ cuối bậc 2 đầu bậc 3 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K3	Vận dụng kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ cuối bậc 2 đầu bậc 3 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S2	Vận dụng kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S2	Vận dụng thông tin về các chủ đề trong học phần tương thích với cuối bậc 2 đầu bậc 3 theo Khung NLNN 6 bậc để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động đóng vai, tranh luận, trình bày quan điểm, thuyết trình, viết thư, viết luận, ... thông qua trao đổi trực tiếp, thư điện tử, diễn đàn, trang tin điện tử về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với cuối bậc 2 và đầu bậc 3 theo Khung NLNN.	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

POL11001: Triết học Mác - Lênin

Mô tả học phần:

Học phần triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thể giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống. Đây là học phần bắt buộc ở học kỳ 1 năm thứ nhất trong chương trình đào tạo sinh viên của tất cả các ngành ở bậc Đại học. Học phần được kết cấu bởi 3 chương, trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về vấn đề triết học và triết học Mác – Lênin, học phần giúp sinh viên hình thành thể giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật, từng bước vận dụng trong

nhận thức và hoạt động thực tiễn. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tự phân tích, đề xuất biện pháp giải quyết một vấn đề triết học trong thực tiễn.

Mục tiêu:

- Giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về triết học Mác - Lênin, từ vận dụng vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành và thực tiễn xã hội.
- Hình thành ở sinh viên năng lực vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực tiễn.
- Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức cho sinh viên.

Chuẩn đầu ra:

CĐR học phần	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	2.0	Giải thích được những tri thức cơ bản về triết học Mác – Lênin	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1.2	3.0	Áp dụng lý luận triết học Mác - Lênin vào nhận thức khoa học và thực tiễn xã hội	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm; Hồ sơ học phần
CLO2.1 ...	3.0	Thể hiện hiện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức trong sáng	Tự học, Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần
CLO2.2	3.0	Có khả năng vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực thực tiễn; phê phán , đấu tranh chống luận điệu sai trái của chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa duy vật trước Các Mác	Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần

POL11002: Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Mô tả học phần:

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của các ngành đào tạo trình độ đại học.

Học phần có 6 chương, bao gồm hệ thống tri thức về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, về kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận để nhận thức đúng bản chất của các hiện tượng, các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đồng thời, góp phần hình thành kỹ năng thực hiện các hoạt động kinh tế, nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên.

Mục tiêu học phần:

- **CO1:** Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ đó giúp sinh viên hiểu và giải thích được quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, của Đảng Cộng sản về những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- **CO2:** Bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa.

- **CO3:** Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế - chính trị, từ đó có thể phản biện được các quan điểm, tư tưởng về các vấn đề kinh tế - chính trị.

Chuẩn đầu ra:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	2.5	<i>Giải thích</i> được kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin.	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1.2	3.0	<i>Vận dụng</i> lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề kinh tế khi tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội.	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm; Hồ sơ học phần
CLO2.1	3.0	<i>Thể hiện</i> bản lĩnh chính trị, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam	Tự học, Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần
CLO3.1	2.5	<i>Có khả năng</i> phản biện các quan điểm, tư tưởng về kinh tế chính trị	Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần

ENG21002: Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2**Mô tả học phần**

Học phần *Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 2* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) theo các chủ đề ở 3 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng về văn hóa xã hội và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

Mục tiêu học phần:

Học phần *Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2* trang bị kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ Anh ở bậc 3 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học bước đầu hình thành và phát triển kỹ năng tự học ở bậc đại học, xử lý thông tin về các chủ đề trong học phần để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội, sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt

động giao tiếp về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với cuối bậc 2 và đầu bậc 3 theo Khung NLNN.

Chuẩn đầu ra

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) ở trình độ bậc 3 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K3	Vận dụng kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ bậc 3 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S2	Vận dụng kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S2	Vận dụng thông tin về các chủ đề trong học phần tương thích với bậc 3 theo Khung NLNN 6 bậc để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động đóng vai, tranh luận, trình bày quan điểm, thuyết trình, viết thư, viết luận, ... thông qua trao đổi trực tiếp, thư điện tử, diễn đàn, trang tin điện tử về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với bậc 3 theo Khung NLNN.	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

ENG31041: Ngữ pháp tiếng Anh

Mô tả học phần:

Học phần *Ngữ pháp* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng liên quan đến các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh; giúp sinh viên sử dụng ngữ pháp thành thạo trong giao tiếp (thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và dịch); và

trang bị cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu, phân tích, giải thích, đối chiếu các hiện tượng ngữ pháp liên quan, các quan niệm có tính chất trường phái về cú pháp.

Mục tiêu học phần:

Học phần *Ngữ pháp* trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng liên quan đến các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh; giúp sinh viên sử dụng ngữ pháp thành thạo trong giao tiếp (thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và dịch); và trang bị cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu, phân tích, giải thích, đối chiếu các hiện tượng ngữ pháp liên quan, các quan niệm có tính chất trường phái về cú pháp.

Chuẩn đầu ra

CDR học phần (CLO)	TDNL CDR học phần	TDNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học
CLO 1.1	K3	Giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO 2.1	S2	Vận dụng kiến thức ngữ pháp trong hoạt động nghề nghiệp	Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược Hoạt động cá nhân (tự học)	Câu hỏi TNKQ Hồ sơ học phần
CLO 3.1	S2	Thể hiện khả năng tự nhận thức, siêu nhận thức và tích hợp kiến thức, và cập nhật tri thức trong lĩnh vực nghề nghiệp	Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược Hoạt động cá nhân (tự học)	Câu hỏi TNKQ Hồ sơ học phần
CLO 3.2	S2	Vận dụng các chiến lược giao tiếp, và kỹ năng thuyết trình hiệu quả	Thảo luận nhóm Thuyết trình	Hồ sơ học phần
CLO 4.2	C2	Hình thành ý tưởng dạy ngữ pháp tiếng Anh cho học sinh phổ thông.	Thảo luận nhóm Thuyết trình	Hồ sơ học phần

RUS30001, FRE30001, CHI30001: Ngoại ngữ thứ 2 (HP1): tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung

Mô tả học phần:

Ngoại ngữ thứ 2 (HP1) là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần này được dạy - học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kỹ năng phát hiện và giải

quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng *Ngoại ngữ thứ 2*.

Mục tiêu học phần:

1. Mô tả các từ vựng liên quan đến các chủ đề quen thuộc được đề cập trong chương trình. Xác định được vấn đề ngữ pháp đơn giản, các thành tố âm tiết, ngữ âm trong các tình huống giao tiếp cơ bản.
2. Phân biệt được các vấn đề ngữ pháp, nguồn từ vựng đã học trong chương trình để thực hiện các tình huống giao tiếp bằng *Ngoại ngữ thứ 2* cơ bản.
3. Thực hiện tương tác nhóm, làm việc nhóm, phát triển nhóm, thuyết trình kết quả hoạt động nhóm bằng *Ngoại ngữ thứ 2* về các chủ đề quen thuộc.
4. Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, nâng cao hiệu quả hoạt động giao tiếp bằng *Ngoại ngữ thứ 2* về các chủ đề quen thuộc

Chuẩn đầu ra:

1. Ghi nhớ được kiến thức từ vựng về các lĩnh vực quen thuộc khác nhau trong cuộc sống hàng ngày, các kiến thức ngữ âm, ngữ pháp cơ bản với độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.
2. Nhận biết được các kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội các quốc gia trên thế giới, liên quan đến các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày
3. Viết được các loại văn bản ngắn, các dạng viết notes và email giao dịch khoảng 50 từ
4. Liệt kê được các thông tin trong đoạn văn bản ngắn độ khó ngữ liệu tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.
5. Nhận biết âm và xác định được nội dung chính từ đoạn hội thoại giao tiếp, phỏng vấn với tốc độ chậm; Nói tiếng Anh về các lĩnh vực quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày; độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.
6. Phân biệt được các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm cơ bản với độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.
7. Phân tích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.
8. Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp vào các tình huống giao tiếp cụ thể ở độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.
9. Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày
10. Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu
11. Hình thành, tổ chức nhóm hiệu quả bao gồm hiểu nhiệm vụ và quy trình làm việc nhóm, trách nhiệm của nhóm, điểm mạnh điểm yếu của nhóm và từng thành viên
12. Triển khai hoạt động, tương tác nhóm hiệu quả bao gồm thiết lập mục tiêu và các công việc cần làm của nhóm, lên chương trình thực hiện một đề án, trao quyền cho các thành viên trong nhóm
13. Làm việc hiệu quả giữa các nhóm bao gồm khả năng hợp tác giữa nhóm nhỏ, nhóm lớn
14. Phát triển khả năng thuyết trình kết quả hoạt động nhóm logic, dễ hiểu bằng *Ngoại ngữ thứ 2* (bao gồm chuẩn bị bài thuyết trình và phương tiện truyền thông hỗ trợ, trả lời câu hỏi một cách hiệu quả) về thông tin cá nhân và các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày

15. Xác định cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp
16. Xây dựng hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa xã hội phục vụ mục đích giao tiếp.
17. Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc.
18. Nâng cao hiệu quả hoạt động giao tiếp về các chủ đề thông qua những hiểu biết về ngôn ngữ và văn hóa.

POL11003: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả học phần:

Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc đối với sinh viên tất cả các ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội: về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề dân tộc và tôn giáo, về vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và việc vận dụng những lý luận đó vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Mục tiêu:

- Giải thích kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội.
- Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- Có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên

CNXH ở Việt Nam

Chuẩn đầu ra:

CĐR học phần	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	2.0	Giải thích được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1.2	3.0	Áp dụng lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội vào thực tiễn Việt Nam	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm; Hồ sơ học phần
CLO2.1 ...	3.0	Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Tự học, Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần
CLO2.2	3.0	Có khả năng phê phán , đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần

ENG20003: Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3

Mô tả học phần

Học phần *Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 3* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp

người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) theo các chủ đề ở 3 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng về văn hóa xã hội và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

Mục tiêu học phần

Học phần *Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3* trang bị kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ Anh ở bậc 3 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học bước đầu hình thành và phát triển kỹ năng tự học ở bậc đại học, xử lý thông tin về các chủ đề trong học phần để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội, sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động giao tiếp về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với cuối bậc 2 và đầu bậc 3 theo Khung NLNN.

Chuẩn đầu ra

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) ở trình độ bậc 4 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K3	Vận dụng kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ bậc 4 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S2	Vận dụng kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S2	Vận dụng thông tin về các chủ đề trong học phần tương thích với bậc 4 theo Khung NLNN 6 bậc để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động đóng vai, tranh luận, trình bày quan điểm, thuyết trình, viết thư, viết luận, ... thông qua trao đổi trực tiếp, thư điện tử, diễn đàn, trang tin điện tử về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với bậc 4 theo Khung NLNN.	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

ENG30007: Ngữ âm - âm vị tiếng Anh

Mô tả học phần:

Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh được giảng dạy ở phân kỳ 4. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống âm vị, các qui tắc phát âm trong tiếng Anh; kỹ năng phát âm chính xác, khả năng nghe, nói thành thạo trong giao tiếp tiếng Anh; kỹ năng nghiên cứu, phân tích, giải thích, đối chiếu các vấn đề về âm vị trong tiếng Anh, giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

Mục tiêu học phần:

Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống âm vị, các qui tắc phát âm trong tiếng Anh; kỹ năng phát âm chính xác, khả năng nghe, nói thành thạo trong giao tiếp tiếng Anh; kỹ năng nghiên cứu, phân tích, giải thích, đối chiếu các vấn đề về âm vị trong tiếng Anh, giữa tiếng Anh và tiếng Việt; Giúp hình thành ý tưởng dạy phát âm cho người học tiếng Anh, đặc biệt là học sinh phổ thông.

Chuẩn đầu ra:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1.1	K3	Giải thích được các hiện tượng cơ bản liên quan đến Ngữ âm_ Âm vị tiếng Anh	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO 2.1	S2	Áp dụng kiến thức của học phần vào hoạt động Nghe, Nói trong giao tiếp.	Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược Hoạt động cá nhân (tự học)	Câu hỏi TNKQ Hồ sơ học phần
CLO 3.1	S2	Phân tích các vấn đề liên quan đến Ngữ âm -Âm vị.	Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược Hoạt động cá nhân (tự học)	Câu hỏi TNKQ Hồ sơ học phần

CLO 3.2	S2	Thảo luận , thuyết trình về các vấn đề liên quan đến hệ thống âm vị, những khó khăn trong việc phát âm hay nhận dạng âm tiếng Anh đối với người Việt học/sử dụng tiếng Anh.	Thảo luận nhóm Thuyết trình	Hồ sơ học phần
CLO 4.2	C2	Hình thành các ý tưởng dạy phát âm cho người học tiếng Anh.	Thảo luận nhóm Thuyết trình	Hồ sơ học phần

RUS30002, FRE30002, CHI30002: Ngoại ngữ thứ 2 (HP2): tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung

Mô tả học phần:

Ngoại ngữ thứ 2 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các khoa không chuyên ngữ. Học phần này được dạy - học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói *ngoại ngữ thứ 2* và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Mục tiêu học phần:

1. Nắm vững kiến thức tổng quan về ngôn ngữ bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng *ngoại ngữ thứ 2* bậc 3 trong giao tiếp.
2. Phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng tiếng Anh bậc 3.
3. Thực hiện tương tác nhóm, học tập nhóm, phát triển nhóm, thuyết trình hiệu quả nhiệm vụ học tập hoạt động nhóm.
4. Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, nâng cao hiệu quả hoạt động giao tiếp bằng *ngoại ngữ thứ 2*.

Chuẩn đầu ra:

1. Nêu được các hiện tượng ngữ pháp *ngoại ngữ thứ 2*: verb pattern + to infinitive; going to, will; hiện tại hoàn thành; giới từ, đại từ quan hệ; câu điều kiện; câu bị động, câu gián tiếp; các động từ tình thái.
2. Phân biệt được kiến thức thông dụng trong tiếng Anh: các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kỳ nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.
3. Liệt kê được các kiến thức cơ bản về văn hóa xã hội của các nước trong khu vực và trên thế giới.
4. Xác định được các thông tin chính trong các bài nghe khác nhau về các chủ đề được học: các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kỳ nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.

5. Xác định được các thông tin quan trọng từ các dạng bài đọc khác nhau về các chủ đề: các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.
6. Trình bày được có loại văn bản khác nhau, viết đoạn, viết CV, viết thư trang trọng, liên quan đến các chủ đề (du lịch, thể thao, trang phục, điện ảnh, nghề nghiệp, trường học, môi trường, giao thông, thể giới tự nhiên, chi tiêu)
7. Phân biệt được các thì động từ trong tiếng Anh; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh.
8. Phân tích các cấu trúc ngữ pháp về thì; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh.
9. Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp về thì, các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện vào trong các giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh
10. Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp
11. Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu
12. Hình thành, tổ chức nhóm hiệu quả bao gồm hiểu nhiệm vụ và quy trình làm việc nhóm, trách nhiệm của nhóm, điểm mạnh, điểm yếu của nhóm và từng thành viên.
13. Triển khai hoạt động, tương tác nhóm hiệu quả bao gồm thiết lập mục tiêu và các công việc cần làm của nhóm, lên chương trình và
14. thực hiện một đề án, trao quyền cho những người trong nhóm.
15. Làm việc hiệu quả giữa các nhóm bao gồm khả năng hợp tác giữa nhóm nhỏ, nhóm lớn, làm việc giữa các thành viên.
16. Có khả năng thuyết trình kết quả hoạt động nhóm logic, dễ hiểu bao gồm chuẩn bị bài thuyết trình và phương tiện truyền thông hỗ trợ phù hợp, trả lời câu hỏi một cách có hiệu quả.
17. Xác định cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp
18. Xây dựng hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa xã hội phục vụ mục đích giao tiếp
19. Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc
20. Nâng cao hiệu quả năng lực giao tiếp cơ bản bằng *ngoại ngữ thứ 2*

ENG30004: Đọc - Viết tiếng Anh 1

Mô tả học phần

Học phần *Đọc – Viết tiếng Anh 1* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng đọc, viết chuyên sâu theo các chủ đề ở 4 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với bậc 4v à làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

Mục tiêu học phần

Học phần *Đọc – Viết tiếng Anh 1* cung cấp kiến thức ngôn ngữ (từ vựng và ngữ pháp) và rèn luyện 2 kỹ năng đọc, viết ở bậc 4 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sau khi kết

thức học phần, sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng; xây dựng hệ thống ngữ liệu để có thể giao tiếp về các chủ đề tương ứng với bậc 4; triển khai các ý tưởng thông qua hai kỹ năng đọc-viết tiếng Anh và phát triển tư duy phản biện; đánh giá, cải tiến các kỹ năng đọc, viết tiếng Anh.

Chuẩn đầu ra

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) chuyên sâu ở trình độ bậc 4 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K4	Vận dụng kỹ năng đọc – viết chuyên sâu ở trình độ bậc 4 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S3	Vận dụng kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S3	Vận dụng thông tin chuyên sâu về các chủ đề trong học phần tương thích với bậc 4 theo Khung NLNN 6 bậc để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S3	Sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động đóng vai, tranh luận, trình bày quan điểm, thuyết trình, viết thư, viết luận, ... thông qua trao đổi trực tiếp, thư điện tử, diễn đàn, trang tin điện tử chuyên sâu về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với bậc 4 theo Khung NLNN.	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

POL11004: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Mô tả học phần:

Học phần Lịch sử Đảng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến giáo dục đại cương của các ngành đào tạo. Học phần gồm 3 chương, trang bị những nội dung bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi ra đời đến nay. Qua học tập sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, có bản lĩnh chính trị, tư

tưởng. Học phần không những cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời và lãnh đạo của Đảng, mà còn hình thành cho sinh viên năng lực phân tích các sự kiện Lịch sử Đảng, bài học kinh nghiệm qua các thời kỳ.

Mục tiêu:

Học phần Lịch sử Đảng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời và đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Thông qua học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giúp sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ đường lối lãnh đạo của Đảng. Đồng thời rèn luyện sinh viên có bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng, năng lực phân tích sự kiện và đúc rút bài học kinh nghiệm.

Chuẩn đầu ra:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	3.0	Giải thích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng.	Thuyết trình, làm việc nhóm, thảo luận	Trắc nghiệm, vấn đáp; Hồ sơ học phần
CLO2.1	3.0	Thể hiện bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng trên lập trường quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.	Bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận, hồ sơ học tập
CLO2.2	3.0	Rèn luyện được khả năng bảo vệ đường lối của Đảng và rút bài học về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng.	Bài tập, thảo luận	Tự luận, hồ sơ học tập

ENG30006: Nghe - Nói tiếng Anh 1

Mô tả học phần

Học phần *Nghe - Nói tiếng Anh 1* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng nghe, nói chuyên sâu theo các chủ đề ở 4 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với bậc 4 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

Mục tiêu

Học phần *Nghe - Nói tiếng Anh 1* cung cấp kiến thức ngôn ngữ (từ vựng và ngữ pháp) và rèn luyện 2 kỹ năng nghe, nói ở bậc 4 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng; xây dựng hệ thống ngữ liệu để có thể giao tiếp về các chủ đề tương ứng với bậc 4; triển khai các ý tưởng thông qua hai kỹ năng nghe, nói tiếng Anh và phát triển tư duy phản biện; đánh giá, cải tiến các kỹ năng nghe, nói tiếng Anh.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) chuyên sâu ở trình độ bậc 4 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K4	Vận dụng kỹ năng nghe - nói chuyên sâu ở trình độ bậc 4 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S3	Vận dụng kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S3	Vận dụng thông tin chuyên sâu về các chủ đề trong học phần tương thích với bậc 4 theo Khung NLNN 6 bậc để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S3	Sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động đóng vai, tranh luận, trình bày quan điểm, thuyết trình, viết thư, viết luận, ... thông qua trao đổi trực tiếp, thư điện tử, diễn đàn, trang tin điện tử chuyên sâu về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với bậc 4 theo Khung NLNN.	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

ENG30017: Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh

Mô tả học phần:

Từ vựng- Ngữ nghĩa học tiếng Anh là học phần bắt buộc trong CTĐT cử nhân và sư phạm Ngôn ngữ Anh. Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về từ, ngữ, thành phần cấu tạo từ, quá trình tạo từ, nghĩa từ và câu trong tiếng Anh; kỹ năng phân tích thành phần, cấu trúc, mối quan hệ về nghĩa của từ, ngữ chính xác khi đọc, dịch văn bản tiếng Anh; khả năng vận dụng linh hoạt những kiến thức của môn học vào các môn học khác cũng như dịch, đọc các văn bản hay trong hoạt động giao tiếp hằng ngày.

Mục tiêu học phần:

Học phần Từ vựng – Ngữ nghĩa tiếng Anh trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản liên quan đến từ vựng trong tiếng Anh như cấu trúc từ tiếng Anh, phân loại từ trong dưới các góc độ sử dụng, các loại nghĩa từ; giúp sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp; và giúp hình thành các ý tưởng dạy từ vựng hiệu quả cho học sinh phổ thông.

Chuẩn đầu ra:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1.1	K3	Giải thích các khái niệm, các nguyên lý tạo từ, câu cơ bản trong tiếng Anh; sự khác biệt về văn phong của từ, từ Anh-Anh, Anh-Mỹ, các nét nghĩa của từ.	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO 2.1	S2	Vận dụng kiến thức của học phần vào dịch, đọc, viết văn bản và hoạt động giao tiếp hằng ngày. Phân tích các vấn đề liên quan đến từ vựng và ngữ nghĩa trong câu.	Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược, Hoạt động cá nhân (tự học)	Câu hỏi TNKQ Hồ sơ học phần
CLO 3.1	S2	Thảo luận , thuyết trình về các vấn đề liên quan cách thức cấu tạo từ trong tiếng Anh, so sánh các phương thức cấu tạo từ trong tiếng Anh và tiếng Việt, các khía cạnh nghĩa của từ, câu.	Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược, Hoạt động cá nhân (tự học)	Câu hỏi TNKQ Hồ sơ học phần
CLO 3.2	S2	Vận dụng kiến thức lý luận của học phần vào hoạt động nghề nghiệp.	Thảo luận nhóm, Thuyết trình	Hồ sơ học phần
CLO 4.2	C2	Hình thành các ý tưởng dạy từ vựng cho người học tiếng Anh.	Thảo luận nhóm, Thuyết trình	Hồ sơ học phần

ENG30013: Đọc - Viết tiếng Anh 2**Mô tả học phần**

Học phần *Đọc – Viết tiếng Anh 2* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn

luyện 2 kỹ năng đọc, viết chuyên sâu theo các chủ đề ở cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với cuối bậc 4, đầu bậc 5 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

Mục tiêu học phần

Học phần *Đọc – Viết tiếng Anh 2* cung cấp kiến thức ngôn ngữ (từ vựng và ngữ pháp) và rèn luyện 2 kỹ năng đọc, viết ở cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng; xây dựng hệ thống ngữ liệu để có thể giao tiếp về các chủ đề tương ứng với cuối bậc 4, đầu bậc 5; triển khai các ý tưởng thông qua hai kỹ năng đọc-viết tiếng Anh và phát triển tư duy phản biện; đánh giá, cải tiến các kỹ năng đọc, viết tiếng Anh.

Chuẩn đầu ra

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) chuyên sâu ở trình độ cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K4	Vận dụng kỹ năng đọc – viết chuyên sâu ở trình độ cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S3	Vận dụng kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S3	Vận dụng thông tin chuyên sâu về các chủ đề trong học phần tương thích với cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S3	Sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động đóng vai, tranh luận, trình bày quan điểm, thuyết trình, viết thư, viết luận, ... thông qua trao đổi trực tiếp, thư điện tử, diễn đàn, trang tin điện tử chuyên sâu về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo Khung NLNN.	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

ENG30016: Nghe - Nói tiếng Anh 2

Mô tả học phần

Học phần *Nghe - Nói tiếng Anh 2* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng nghe, nói chuyên sâu theo các chủ đề ở cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng

tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với cuối bậc 4, đầu bậc 5 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

Mục tiêu học phần

Học phần *Nghe - Nói tiếng Anh 2* cung cấp kiến thức ngôn ngữ (từ vựng và ngữ pháp) và rèn luyện 2 kỹ năng nghe, nói ở cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng; xây dựng hệ thống ngữ liệu để có thể giao tiếp về các chủ đề tương ứng với cuối bậc 4, đầu bậc 5; triển khai các ý tưởng thông qua hai kỹ năng nghe, nói tiếng Anh và phát triển tư duy phản biện; đánh giá, cải tiến các kỹ năng nghe, nói tiếng Anh.

Chuẩn đầu ra

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) chuyên sâu ở trình độ cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K4	Vận dụng kỹ năng nghe - nói chuyên sâu ở trình độ cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S3	Vận dụng kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S3	Vận dụng thông tin chuyên sâu về các chủ đề trong học phần tương thích với cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S3	Sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động đóng vai, tranh luận, trình bày quan điểm, thuyết trình, viết thư, viết luận, ... thông qua trao đổi trực tiếp, thư điện tử, diễn đàn, trang tin điện tử chuyên sâu về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo Khung NLNN.	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

POL10002: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mô tả học phần:

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, được tổ chức giảng dạy vào kỳ 5. Học phần gồm 6 chương, giúp người học hiểu được nội dung, vai trò, vị trí và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng, liên hệ với thực tiễn học tập, rèn luyện, xây dựng nhân cách để trở thành công dân tốt, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

Mục tiêu học phần:

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, sinh viên bồi dưỡng được các phẩm chất chính trị, đạo đức, phong cách cũng như kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

CO1: Nhận diện các kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

CO2: Thể hiện được bản lĩnh, niềm tin chính trị, đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.

CO3: Vận dụng kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chuẩn đầu ra:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	<i>Giải thích được</i> nội dung kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh	Thuyết giảng/ Thảo luận/tự học	Bảng kiểm/ Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K3	<i>Giải thích được</i> định hướng và nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn thực tiễn xây dựng đất nước.	Thuyết giảng/ Thảo luận/tự học	Bảng kiểm/ Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	A4	<i>Bồi dưỡng được</i> bản lĩnh, niềm tin chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.	Thảo luận/tự học	Bảng kiểm/ Phiếu đánh giá
CLO2.2	S3	<i>Rèn luyện được</i> kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua lĩnh hội, thảo luận nội dung học phần.	Thảo luận/tự học	Bảng kiểm/ Phiếu đánh giá

ENG30053: Văn hóa Anh - Mỹ

Mô tả học phần

Học phần *Văn hóa Anh – Mỹ* là học phần bắt buộc thuộc khối chuyên ngành của CTĐT Cử nhân Ngôn ngữ Anh và Sư phạm Anh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Anh – Mỹ; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá trào lưu văn học và văn hóa Anh – Mỹ qua các giai đoạn lịch sử và qua một số tác phẩm văn học tiêu biểu; giúp sinh viên có năng lực phát hiện và phát triển các giá trị trong môi trường giao tiếp đa văn hóa.

Học phần Đất nước học các quốc gia nói tiếng Anh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước con người, lịch sử, thể chế, giáo dục, phong tục tập quán của các quốc gia nói tiếng Anh; phát triển cho sinh viên những kỹ năng làm việc nhóm và thuyết

trình; giúp sinh viên có thái độ đúng đắn và thể hiện phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của cơ quan, doanh nghiệp trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế.

Mục tiêu học phần

Học phần *Văn hóa Anh – Mỹ* cung cấp kiến thức về văn hóa tiêu biểu của Anh Quốc, Hoa Kỳ và 1 số quốc gia nói xem tiếng Anh là ngôn ngữ thứ nhất. Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc phân tích đánh giá các vấn đề liên quan đến văn hóa để xây dựng môi trường văn hóa tại nơi làm việc; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển dự án học phần liên quan đến văn hóa Anh – Mỹ đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	PP đánh giá
CLO1.1	K4	Vận dụng kiến thức văn hóa Anh -Mỹ vào dạy học môn tiếng Anh và giải quyết các xung đột văn hóa, trong môi trường làm việc	TNKQ
CLO2.1	S3	Vận dụng tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo để tổ chức các hoạt động liên quan đến văn hóa trong môi trường làm việc đa văn hóa	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO3.1	S3	Vận dụng kỹ năng hợp tác để tham gia hiệu quả vào các hoạt động hợp tác và học tập cộng tác để cùng nhau hướng tới một mục tiêu đáp ứng yêu cầu của công việc và phát triển nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO3.2	S3	Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm để thực hiện hiệu quả các tương tác giữa thành viên nhóm nhằm hoàn thành nhiệm vụ	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO3.3	S3	Sử dụng kỹ năng giao tiếp đa phương thức trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.1	C3	Hình thành ý tưởng cho các hoạt động tìm hiểu, phát triển bản sắc văn hóa trong môi trường làm việc đa văn hóa	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.2	C3	Thiết kế các hoạt động liên quan đến tìm hiểu, phân tích, phát triển các giá trị văn hóa Anh Mỹ để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)

ENG30021: Đọc - Viết tiếng Anh 3

Mô tả học phần

Học phần *Đọc -Viết tiếng Anh 3* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng đọc, viết chuyên sâu theo các chủ đề ở bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với bậc 5 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

Mục tiêu học phần

Học phần *Đọc – Viết tiếng Anh 3* cung cấp kiến thức ngôn ngữ (từ vựng và ngữ pháp) và rèn luyện 2 kỹ năng đọc, viết ở bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng; xây dựng hệ thống ngữ liệu để có thể giao tiếp về các chủ đề tương ứng với bậc 5; triển khai các ý tưởng thông qua hai kỹ năng đọc, viết tiếng Anh và phát triển tư duy phản biện; đánh giá, cải tiến các kỹ năng đọc, viết tiếng Anh.

Chuẩn đầu ra

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) chuyên sâu ở trình độ bậc 5 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K4	Vận dụng kỹ năng đọc- viết chuyên sâu ở trình độ bậc 5 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S4	Vận dụng kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S4	Vận dụng thông tin chuyên sâu về các chủ đề trong học phần tương thích với bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S4	Sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động đóng vai, tranh luận, trình bày quan điểm, thuyết trình, viết thư, viết luận, ... thông qua trao đổi trực tiếp, thư điện tử, diễn đàn, trang tin điện tử chuyên sâu về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với bậc 5 theo Khung NLNN.	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

ENG30023: Nghe - Nói tiếng Anh 3

Mô tả học phần

Học phần *Nghe - Nói tiếng Anh 3* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng nghe, nói chuyên sâu theo các chủ đề ở bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với bậc 5 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

Mục tiêu học phần

Học phần *Nghe - Nói tiếng Anh 3* cung cấp kiến thức ngôn ngữ (từ vựng và ngữ pháp) và rèn luyện 2 kỹ năng nghe, nói ở bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng; xây dựng hệ thống ngữ liệu để có thể giao tiếp về các chủ đề tương ứng với bậc 5; triển khai các ý tưởng thông qua hai kỹ năng nghe, nói tiếng Anh và phát triển tư duy phản biện; đánh giá, cải tiến các kỹ năng nghe, nói tiếng Anh.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) chuyên sâu ở trình độ bậc 5 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K4	Vận dụng kỹ năng nghe - nói chuyên sâu ở trình độ bậc 5 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S4	Vận dụng kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S4	Vận dụng thông tin chuyên sâu về các chủ đề trong học phần tương thích với bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S4	Sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động đóng vai, tranh luận, trình bày quan điểm, thuyết trình, viết thư, viết luận, ... thông qua trao đổi trực tiếp, thư điện tử, diễn đàn, trang tin điện tử chuyên sâu về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với bậc 5 theo Khung NLNN.	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

ENG30054: Viết khoa học

Học phần *Viết khoa học* chuyên ngành tiếng Anh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về các phương pháp nghiên cứu khoa học, đặc biệt là những phương pháp thường được áp dụng để thực hiện các nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chuyên ngành phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Bên cạnh đó, học phần này

còn trang bị cho sinh viên những kỹ năng nghiên cứu cần thiết để có thể thực hiện nghiên cứu trong lĩnh vực nghề nghiệp của mình, đồng thời xây dựng ý thức nghiên cứu để cải thiện thực trạng và phát triển nghề nghiệp. Học phần cũng giúp cho người học xây dựng niềm vui và đam mê nghiên cứu khoa học để phục vụ cộng đồng.

ENG31037: Tiếng Anh nâng cao

Mô tả học phần

Học phần *Tiếng Anh nâng cao* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở nâng cao ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc viết nâng cao theo các chủ đề ở bậc 5 và bậc 6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nâng cao và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với bậc 5 và bậc 6 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

Mục tiêu học phần

Học phần *Tiếng Anh nâng cao* cung cấp kiến thức ngôn ngữ (từ vựng và ngữ pháp) và rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở bậc 5 và bậc 6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng; xây dựng hệ thống ngữ liệu để có thể giao tiếp về các chủ đề tương ứng với bậc 5 và bậc 6; triển khai các ý tưởng thông qua 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh và phát triển tư duy phản biện; đánh giá và cải tiến các kỹ năng tiếng Anh.

Chuẩn đầu ra

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K5	Vận dụng kiến thức nâng cao về ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) ở trình độ bậc 5 và bậc 6 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K5	Vận dụng kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nâng cao ở trình độ bậc 5 và bậc 6 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S5	Vận dụng hiệu quả kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S5	Vận dụng hiệu quả thông tin chuyên sâu và nâng cao về các chủ đề trong học phần tương thích với bậc 5 và bậc 6 theo Khung NLNN 6 bậc để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S5	Sử dụng hiệu quả các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động đóng vai, tranh luận, trình bày quan điểm, thuyết trình, viết thư, viết luận, ... thông qua trao đổi trực tiếp, thư điện tử, diễn đàn, trang tin điện tử chuyên sâu về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với bậc 5 và bậc 6 theo Khung NLNN.	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

ENG31040: Thực tập và Đồ án tốt nghiệp

Mô tả học phần:

Học phần *Thực tập và Đồ án tốt nghiệp* là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh. Học phần giúp người học thực hành các kỹ năng nghề nghiệp Biên – phiên dịch, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên hành chính văn phòng, điều phối viên dự án, cộng tác viên truyền thông.. Ngoài ra người học có khả năng thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành nghề đào tạo. Người học có khả năng vận dụng các kiến

thức và kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện hiệu quả hoạt động nghề nghiệp; vận dụng các phương pháp khoa học vào việc lựa chọn đề tài, thu thập tư liệu, phân tích, xử lý tư liệu để giải quyết vấn đề, viết báo cáo và công bố kết quả nghiên cứu. Trong quá trình thực hiện các hoạt động nghề nghiệp và hoàn thành đồ án, người học sử dụng được các kỹ thuật và quy định liên quan đến hình thức trình bày một công trình nghiên cứu, cách thức trích dẫn và liệt kê tài liệu tham khảo, kỹ năng thuyết trình khoa học và kỹ năng CNTT. Người học có kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo, thể hiện ý thức, thái độ khách quan, trung thực và các chuẩn mực đạo đức trong nghiên cứu.

Mục tiêu học phần:

Học phần *Thực tập và Đồ án tốt nghiệp* nhằm củng cố và nâng cao kiến thức chuyên sâu một vấn đề về lý luận và thực tiễn của hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập. Học phần này hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên kỹ năng vận dụng các lý thuyết và kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp đã học để tiến hành thực hiện các hoạt động nghề nghiệp tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Ngoài ra người học còn tiến hành thực hiện một nghiên cứu khoa học theo đúng quy trình, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Thông qua học phần này, sinh viên hình thành kỹ năng nghiên cứu khoa học (kỹ năng xác định và hình thành vấn đề nghiên cứu, đặt giả thuyết và câu hỏi nghiên cứu, tổng quan vấn đề nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, thu thập và xử lý tư liệu, viết báo cáo, trình bày và công bố kết quả nghiên cứu), kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo và rèn luyện ý thức trách nhiệm và đạo đức của người nghiên cứu khoa học.

Chuẩn đầu ra:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	PP đánh giá
CLO1.1	K5	Vận dụng kiến thức về dạy học và giáo dục để thực hiện hiệu quả hoạt động nghề nghiệp và phát triển nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO1.1	K5	Vận dụng kiến thức chuyên ngành về lĩnh vực Biên – phiên dịch, hướng dẫn du lịch, hành chính văn phòng, điều phối dự án, truyền thông để tổ chức và thực hiện hiệu quả hoạt động nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO2.1	S5	Vận dụng tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo vào thực hiện các nhiệm vụ biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông và nghiên cứu lĩnh vực chuyên môn	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO2.2	S5	Vận dụng kỹ năng về công nghệ, công nghệ thông tin và học liệu số vào các hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO2.4	S4	Thể hiện tôn trọng sự khác biệt, hành xử chuyên nghiệp và tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)

CLO3.2	S5	<i>Sử dụng</i> hiệu quả phương thức giao tiếp bằng văn bản, điện tử, đa phương tiện, thuyết trình trước công chúng	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.1	A5	<i>Phân tích</i> bối cảnh của xã hội và doanh nghiệp trước xu thế hội nhập quốc tế của đất nước	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.2	A5	<i>Phân tích</i> nhu cầu của xã hội và doanh nghiệp đối với các lĩnh vực nghề nghiệp biên-piên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông trong bối cảnh hội nhập quốc tế của đất nước	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.3	C5	<i>Xác định</i> mục tiêu và yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp, phác thảo kế hoạch hoạt động nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.4	C5	<i>Thiết kế</i> hoạt động nghề nghiệp, lựa chọn phương pháp tiếp cận theo tư duy hệ thống	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.5	C5	<i>Triển khai</i> hoạt động nghề nghiệp, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.6	C5	<i>Cải tiến</i> hoạt động nghề nghiệp thích ứng với sự thay đổi của bối cảnh nghề nghiệp và yêu cầu của xã hội	Phiếu đánh giá (Rubrics)

PHẦN 5: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

5.1. Căn cứ pháp lý để xây dựng và thực hiện chương trình

Chương trình giáo dục đại học ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế dựa trên các văn bản sau:

- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Quy định số 2294/ĐT ngày 02 tháng 11 năm 2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh cụ thể hoá một số điều của quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.
- Công văn 9404/BGDĐT-GDDH và Bảng tổng hợp kết quả rà soát của Bộ Giáo dục và Đào tạo các chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh.
- Kế hoạch số 1610/ĐHV-ĐT ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc điều chỉnh chương trình đào tạo đại học hệ chính quy.
- Quyết định số 132/QĐ-ĐHV ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần tại Trường Đại học Vinh.
- Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ.
- Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học.

Chương trình khung trình bày tóm tắt những kiến thức và kỹ năng cơ bản để đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh với thời lượng 4 năm.

- Trên cơ sở khung chương trình, bộ môn phân công cán bộ giảng dạy biên soạn đề cương chi tiết học phần, tiến tới biên soạn bài giảng, giáo trình học phần. Bộ môn phải theo sát nội dung chương trình để thực hiện các học phần theo trình tự đã được hội đồng khoa học thông qua.
- Hàng năm Hội đồng Khoa học - Đào tạo sẽ đề nghị Hiệu trưởng điều chỉnh, bổ sung chương trình cho phù hợp với điều kiện, mục tiêu đào tạo. Sự điều chỉnh chương trình hàng năm chiếm tỷ trọng tối đa là 20%;

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

5.2. Trách nhiệm của bộ môn/khoa/trường

- Nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình;
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy;
- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu căn cứ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình;
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

5.3. Trách nhiệm của giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp;
- Tổ chức cho sinh viên các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, bài tập lớn, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ, thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp và hướng dẫn sinh viên viết báo cáo dự án, khóa luận tốt nghiệp.

5.4. Trách nhiệm của sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ;
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng;
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên;
- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi thảo luận/seminar;
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu;
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần đảm nhiệm
1	Nguyễn Thị Kim Anh, 1979, Trưởng khoa		Tiến sĩ, GVC, Việt Nam, 2017	Tiếng Anh	Ngữ pháp; Dẫn luận ngôn ngữ
2	Nguyễn Văn Anh, 1994		ThS, Anh Quốc, 2018	Tiếng Anh	Nghe – Nói ; Dẫn luận ngôn ngữ
3	Đinh Thị Mai Anh, 1990		ThS, Việt Nam, 2012	Tiếng Anh	Ngữ pháp; Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh
4	Dương Đức Ánh, 1990		ThS, Việt Nam, 2020	Tiếng Anh	Biên dịch 1; Phiên dịch 1; Quy trình xây dựng dự án
5	Lê Thái Bình, 1976		ThS, Việt Nam, 2016	Tiếng Anh	Đọc – Viết 1
6	Lê Thị Thanh Bình, 1987		Ths, Việt Nam, 2014	Tiếng Anh	Nghe – Nói 1
7	Nguyễn Duy Bình, 1975; Trưởng Bộ môn		Tiến sĩ	Tiếng Pháp	Dẫn luận ngôn ngữ
8	Hoàng Tăng Đức, 1974; Trưởng Bộ môn		Thạc sỹ	Tiếng Anh	Đọc – Viết 2; Nghe – Nói 3; Tiếng Anh nâng cao
9	Nguyễn Thị Lam Giang, 1980		Thạc sỹ, Việt Nam, 2015	Tiếng Anh	Đọc – Viết 2
10	Phạm Thị Lương Giang, 1982		Thạc sỹ, Việt Nam, 2015	Tiếng Anh	Đọc – Viết 1
11	Lê Thị Thúy Hà, 1975		ThS, Việt Nam, 2004	Tiếng Anh	Văn hóa Anh-Mỹ
12	Nguyễn Thị Tô Hằng, 1981		Thạc sỹ, Việt Nam, 2015	Tiếng Anh	Nghe – Nói 3
13	Lê Thị Tuyết Hạnh, 1981; Trưởng Bộ môn		TS. GVC, 2018	Tiếng Anh	Quy trình xây dựng dự án; Nghe – Nói 2
14	Trần Thị Hào, 1988		TS, Úc, 2019	Tiếng Anh	Hướng dẫn học online
15	Nguyễn Thị Bích Hiền, 1980		Thạc sỹ, Việt Nam, 2006	Tiếng Anh	Đọc – Viết 3
16	Nguyễn Thị Tuyết Hồng, 1980		ThS, Việt Nam	Tiếng Anh	Biên dịch 2; Dịch nâng cao
17	Vũ Thị Việt Hương, 1970		ThS, GVC	Tiếng Anh	Đọc – Viết 2; Tiếng Anh tổng hợp 2

18	Phan Thị Hương, 1972; Phó Trưởng khoa		ThS, Việt Nam	Tiếng Anh	Giao tiếp giao văn hóa; Tiếng Anh tổng hợp 3
19	Nguyễn Thị Vân Lam		TS, Úc, 2017	Tiếng Anh	Hướng dẫn học online
20	Nguyễn Thị Lành		ThS, Việt Nam	Tiếng Anh	Tiếng Anh văn phòng; Tiếng Anh tổng hợp 1
21	Nguyễn Thị Liên		ThS, Việt Nam	Tiếng Anh	Tiếng Anh văn phòng; Tiếng Anh tổng hợp 1
22	Lê Diệu Linh, 1995		ThS, Anh Quốc, 2019	Tiếng Anh	Tiếng Anh kinh tế;; Từ vựng – ngữ nghĩa
23	Nguyễn Thị Hiền Lương, 1979		ThS, Việt Nam	Tiếng Anh	Tiếng Anh kinh tế
24	Võ Thị Hồng Minh, 1971; Phó Trưởng Bộ môn		ThS, Việt Nam	Tiếng Anh	Từ vựng – ngữ nghĩa; Ngữ pháp
25	Trương Thị Minh		ThS, Việt Nam	Tiếng Anh	Đọc – Viết 1; Tiếng Anh tổng hợp 2
26	Trần Giang Nam, 1974		ThS	Tiếng Anh	Đọc – Viết 2
27	Ngô Đình Phương, 1958	PGS, 2007	TS, Việt Nam, 2004	Tiếng Anh	Dẫn luận ngôn ngữ; phân tích diễn ngôn
28	Cao Thị Phương, 1971		ThS	Tiếng Anh	Tiếng Anh nâng cao
29	Nguyễn Thị Lan Phương, 1972		ThS, GVC, Việt Nam	Tiếng Anh	Phiên dịch 1; Phiên dịch 2
30	Nguyễn Hữu Quyết, 1979; Phó Trưởng khoa		TS, Nhật Bản, 2013	Tiếng Anh	Phiên dịch 1; Giao tiếp giao văn hóa
31	Phạm Xuân Sơn, 1973		ThS. GVC	Tiếng Anh	Tiếng Anh văn phòng
32	Lê Minh Tân, 1990		ThS, Việt Nam, 2017	Tiếng Anh	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh; Ngữ âm – âm vị
33	Nguyễn Thị Hồng Thắm		ThS, Việt Nam, 2015	Tiếng Anh	Nghe – Nói 1; Tiếng Anh tổng hợp 1
34	Trần Thị Phương Thảo, 1980; Phó Trưởng Bộ môn		ThS, Việt Nam, 2015	Tiếng Anh	Đọc – Viết 1; Đọc – Viết 2
35	Nguyễn Thị Phương Thảo, 1985		ThS, Việt Nam, 2012	Tiếng Anh	Tiếng Anh kinh tế
36	Nguyễn Lê Hoài Thu		ThS, Việt Nam, 2015	Tiếng Anh	Tiếng Anh văn phòng
37	Trần Thị Thu Trang, 1990		ThS, Việt Nam, 2016	Tiếng Anh	Nghe – Nói 3

38	Nguyễn Thị Dương Ngọc, 1997		ThS, Anh Quốc, 2019	Tiếng Anh	Từ vựng – ngữ nghĩa; Đọc-Viết 2
39	Trần Thanh Tú		ThS, Úc, 2015	Tiếng Anh	Hướng dẫn học online
40	Thái Anh Tuấn		ThS, Việt Nam, 2017	Tiếng Anh	Đọc – Viết 1, 4 tín chỉ
41	Trần Thị Khánh Tùng, 1977		ThS, Mỹ, 2014	Tiếng Anh	Tiếng Anh nâng cao, 3 tín chỉ
42	Nguyễn Thị Tường, 1970		Ths, GVC	Tiếng Anh	Đọc-Viết 3, 4 tín chỉ
43	Trần Thị Ngọc Yến, 1980; Trưởng Bộ môn	PGS, 2019	TS, Niu Di-lân, 2012	Tiếng Anh	Ngữ dụng học; Phân tích diễn ngôn

PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

TT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học	212	15.723	- Ampli, loa - Máy tính - Máy chiếu		Tất cả các môn học
2	Giảng đường	4	930	- Ampli, loa - Máy tính - Máy chiếu - Tivi - Tủ điều khiển	4 4 4 4 2	Tất cả các môn học
3	Phòng học đa phương tiện	62	6.032	- Ampli, loa - Máy tính - Máy chiếu - Tivi - Tủ điều khiển	62 42 42 3 1	Tất cả các môn học
4	Phòng học ngoại ngữ	6	354	- Ampli, loa - Máy tính - Máy chiếu - Đầu đĩa - Tai nghe - Máy chủ	6 300 6 6 300 6	Các học phần Ngoại ngữ
5	Phòng máy tính	10	1.302	Máy tính	1150	Tin học cơ sở, Kỹ thuật lập trình, Điều khiển lập trình, Kiến trúc máy tính, CAD trong kỹ thuật điện/điện tử
6	Phòng làm việc phòng, ban, văn phòng khoa, trung tâm, viện...)	74	2.991	Đầy đủ các thiết bị văn phòng		
7	Phòng thực hành, thí nghiệm	93	137.248	Đầy đủ các thiết bị, máy móc thực hành, thí nghiệm		